



NGUYỄN MINH ĐOÀN – TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HỒI
NGUYỄN THỊ THU TRÀ – MAI TRUNG TUẤN

Bài tập GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

11



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN MINH ĐOAN – TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HỒI – NGUYỄN THỊ THU TRÀ – MAI TRUNG TUẤN

Bài tập

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: HOÀNG KIM LIÊN – NGUYỄN TÁT THẮNG

Thiết kế sách: PHẠM VIỆT QUANG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

BÀI TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11

Mã số: G1BHYY001H23

In cuốn (QĐ SLK), khổ 17 x 24cm.

Đơn vị in Địa chỉ

Cơ sở in Địa chỉ

Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/33-2097/GD

Số QĐXB:ngày ... tháng ... năm 2023

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2023.

Mã số ISBN: 978-604-0-34977-4

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Sách *Bài tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11* được biên soạn nhằm giúp các em củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển phẩm chất, năng lực theo yêu cầu của môn học.

Các bài tập trong sách được thiết kế theo trình tự các bài của sách giáo khoa *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) với nhiều dạng bài tập: trắc nghiệm khách quan, tự luận, xử lý tình huống, nhận xét hành vi, lập và thực hiện kế hoạch,... Các em có thể sử dụng cuốn sách này khi tự học hoặc ôn tập.

Hi vọng cuốn sách sẽ là người bạn tin cậy, đồng hành, gắn bó với các em trong suốt năm học. Không chỉ dừng ở việc làm các bài tập trong sách, các em hãy tích cực vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công!

CÁC TÁC GIẢ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT: GIÁO DỤC KINH TẾ	6
Chủ đề 1: CẠNH TRANH, CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	6
Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	6
Bài 2: Cung – cầu trong nền kinh tế thị trường	8
Chủ đề 2: LẠM PHÁT, THẤT NGHIỆP.....	12
Bài 3: Lạm phát	12
Bài 4: Thất nghiệp	14
Chủ đề 3: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM	17
Bài 5: Thị trường lao động và việc làm.....	17
Chủ đề 4: Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH	20
Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	20
Chủ đề 5: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH.....	23
Bài 7: Đạo đức kinh doanh.....	23
Chủ đề 6: VĂN HOÁ TIÊU DÙNG.....	26
Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	26
PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	29
Chủ đề 7: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT.....	29
Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	29
Bài 10: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực	33
Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc	36
Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo	38

Chủ đề 8: MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN.....	41
Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội	41
Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	43
Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo	46
Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.....	48
Chủ đề 9: MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN	51
Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân.....	51
Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân	54
Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.....	57
Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.....	60
Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.....	63
HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ LÀM BÀI TẬP.....	66

PHẦN MỘT: GIÁO DỤC KINH TẾ

CHỦ ĐỀ 1

CẠNH TRANH, CUNG - CẦU

TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

BÀI 1

CẠNH TRANH

TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án trả lời đúng nhất.

a) Điền vào chỗ trống

Cạnh tranh là về kinh tế giữa các nhằm giành những điều kiện thuận lợi trong sản xuất, tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ để thu được nhiều lợi ích nhất cho mình.

- A. sự tranh đua/ chủ thể kinh tế B. sự tranh giành/ chủ thể kinh tế
C. sự ganh đua/ nhà sản xuất D. sự tranh giành/ nhà sản xuất.

b) Một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do

- A. tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là đơn vị kinh tế độc lập.
B. tồn tại một chủ sở hữu với tư cách là đơn vị kinh tế độc lập.
C. tồn tại nhiều doanh nghiệp tư nhân.
D. tồn tại nhiều doanh nghiệp do Nhà nước quản lí.

c) Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

- A. Sự chênh lệch về trình độ nguồn nhân lực.
B. Sự khác biệt về nguồn vốn ban đầu.
C. Sự khác nhau về chi phí sản xuất.
D. Điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

d) Việc làm nào dưới đây được pháp luật cho phép trong cạnh tranh?

- A. Tích trữ hàng hoá để chờ tăng giá.
B. Khai báo không đúng mặt hàng kinh doanh.
C. Bỏ nhiều vốn để đầu tư kinh doanh.
D. Bỏ qua những quy định về môi trường trong sản xuất.

e) Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

- A. Bảo vệ môi trường tự nhiên
B. Đa dạng hoá các quan hệ kinh tế
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Em tán thành hay không tán thành với quan điểm nào dưới đây? Vì sao?

a. Cạnh tranh chỉ diễn ra giữa những người sản xuất kinh doanh.

.....

b. Muốn cạnh tranh thành công phải tìm cách làm cho đối thủ cạnh tranh suy yếu.

.....

c. Trong một cơ sở kinh doanh, cần tăng cường hợp tác kết hợp với tạo ra môi trường cạnh tranh giữa các nhân viên.

.....

d. Cạnh tranh chỉ diễn ra ở lĩnh vực trao đổi, mua bán hàng hoá.

.....

3. Em hãy cho biết cạnh tranh có vai trò như thế nào trong các trường hợp sau đây:

a. Tổng công ty May G đầu tư mua sắm các thiết bị kĩ thuật may tiên tiến nhất để cạnh tranh với các thương hiệu may nổi tiếng trên thế giới.

.....

b. Tập đoàn X đưa ra thị trường sản phẩm điện thoại mới có tính năng nổi trội so với các sản phẩm cạnh tranh đang bán trên thị trường.

.....

4. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể kinh tế trong những trường hợp dưới đây:

a. Nhận thấy nhiều khách hàng thích mua sản phẩm thương hiệu V, bà S cũng làm ra sản phẩm tương tự và trưng bày bán sản phẩm thương hiệu V.

.....

b. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp phân phối hàng hoá trong nước có xu hướng liên kết với nhau để cạnh tranh với các tập đoàn thương mại quốc tế.

.....

.....

- c. Mới mở cửa hàng kinh doanh rau quả, bà B đã tìm cách tạo ra phong cách bán hàng chuyên nghiệp, chuẩn bị các mặt hàng tươi ngon, phong phú hơn các đối thủ cạnh tranh trong chợ.

- d. Các cơ sở sản xuất trong làng nghề Q cạnh tranh nhau trong thu hút lao động có tay nghề cao, tìm kiếm đối tác để bán sản phẩm nhưng luôn hợp tác với nhau trong việc quảng bá hình ảnh của làng nghề ra thị trường trong nước và thế giới.

5. Giải đáp thắc mắc

- a. Để chuẩn bị khai trương cửa hàng kinh doanh quần áo trẻ em, chị H đã tìm hiểu về sản phẩm, dịch vụ của những cửa hàng kinh doanh cùng mặt hàng với mình như: họ cung cấp sản phẩm với giá thấp hay cao, khách hàng của họ có đặc điểm gì?
Theo em, vì sao chị H phải làm như vậy?

- b. Là một doanh nghiệp nhỏ kinh doanh giày dép, nguồn vốn có hạn, Công ty A chọn cách chỉ tập trung đầu tư quảng bá một sản phẩm doanh nghiệp có thể cạnh tranh được với các tập đoàn lớn là giày nữ đế màu đỏ cỡ số 36.
Theo em, vì sao Công ty A thực hiện chiến lược này?

- 6.** Em hãy liệt kê những điều doanh nghiệp cần chú ý khi phân tích đối thủ cạnh tranh của mình.

BÀI 2

CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

- 1.** Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

- a) *Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ*
A. đang lưu thông trên thị trường.

- B. hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường.
 C. do hoạt động sản xuất trong nền kinh tế tạo ra.
 D. do các doanh nghiệp sản xuất ra.
- b) *Khối lượng hàng hoá người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định, tương ứng với giá cả và thu nhập được gọi là*
 A. cung. B. cầu.
 C. nhu cầu. D. thị trường.
- c) *Khi cầu một loại hàng hoá tăng cao thì người sản xuất hàng hoá đó sẽ*
 A. thu hẹp sản xuất.
 B. mở rộng sản xuất.
 C. giữ nguyên quy mô sản xuất.
 D. chuyển hướng sản xuất sang mặt hàng khác.
- d) *Giả sử cung về ô tô trên thị trường là 30 000 chiếc, cầu về mặt hàng này là 20 000 chiếc, giá cả của mặt hàng này trên thị trường sẽ*
 A. giảm. B. tăng.
 C. tăng mạnh. D. ổn định.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến sau đây? Vì sao?

- a. Mọi nhu cầu tiêu dùng của người dân đều được coi là cầu.

.....

- b. Toàn bộ sản phẩm được sản xuất ra trong nền kinh tế đều được coi là cung.

.....

- c. Giá điện tăng làm ảnh hưởng đến lượng cầu về các sản phẩm sử dụng điện.

.....

- d. Chính phủ tăng lương cho những người làm việc trong các cơ quan nhà nước sẽ góp phần làm tăng cầu.

.....

3. Em hãy phân tích quan hệ cung – cầu trong những trường hợp sau:

- a. Thiên tai, dịch bệnh gây nhiều khó khăn cho trồng trọt và chăn nuôi.

.....

- b. Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, giá nhiên liệu, nguyên liệu sản xuất nhập khẩu tăng cao khiến chi phí sản xuất tăng.

- c. Nền kinh tế khởi sắc, thu nhập của người dân gia tăng.

- d. Khi mức thu nhập của người dân được nâng cao, người tiêu dùng có xu hướng tăng nhu cầu về những hàng hoá có chất lượng cao, giảm nhu cầu về những hàng hoá có chất lượng thấp.

4. Theo em, quan hệ cung – cầu sẽ tác động thế nào đến việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế trong các trường hợp sau?

- a. Năm nay, lượng cung cam, bưởi trên thị trường rất nhiều khiến giá bán các sản phẩm này rẻ hơn so với năm trước.

- b. Năm qua, lượng vải thiều xuất khẩu ra nước ngoài tăng khiến giá bán vải thiều ở thị trường trong nước cao hơn so với trước đây.

- c. Nhận thấy việc trồng hoa mang lại thu nhập cao gấp đôi so với trồng rau, nhiều người dân ở thôn X đã chuyển đổi từ trồng rau sang trồng hoa.

5. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những trường hợp dưới đây:

- a. Việc nuôi cá đang ổn định nhưng thấy nhà hàng xóm nuôi ba ba bán cho các nhà hàng đặc sản ngoài phố có thu nhập tốt hơn, chị N có ý định chuyển hướng sang nuôi ba ba.

Dựa trên sự phân tích cung – cầu về ba ba, em hãy đưa ra lời khuyên cho chị N.

- b. Sắp đến tháng khuyến mại siêu giảm giá các loại hàng hoá, M cho rằng người bán giảm giá để kích cầu tiêu dùng nên mình cần tận dụng cơ hội mua thật nhiều thứ.

Dựa vào quan hệ cung – cầu, em hãy phân tích cơ sở của chính sách khuyến mại để đưa ra lời khuyên giúp bạn M mua sắm cho hợp lí.

6. Hãy vẽ sơ đồ tư duy mô tả việc em sẽ điều chỉnh hành vi tiêu dùng khi cung về một hàng hoá thay đổi so với cầu.

Sơ đồ này thể hiện:

- Khi cung *nhỏ hơn* cầu, giá hàng hoá tăng, người tiêu dùng sẽ điều chỉnh hành vi tiêu dùng theo hướng: tiết kiệm khi sử dụng sản phẩm này, tìm hàng hoá thay thế (có công dụng tương tự và giá mua rẻ hơn).
- Khi cung *lớn hơn* cầu thì ngược lại.

- Khi cung lớn hơn cầu thì ngược lại.

7. Đúng lúc mặt hàng A đang khan hiếm trên thị trường thì em lại có nhu cầu mua. Hãy viết bài chia sẻ cách giải quyết của em trong trường hợp này.

CHỦ ĐỀ 2

LẠM PHÁT, THẤT NGHIỆP

BÀI 3

LẠM PHÁT

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án trả lời đúng nhất.

a) *Lạm phát là hiện tượng*

- A. mức giá một mặt hàng tăng cao.
- B. mức giá chung của nền kinh tế tăng cao, liên tục.
- C. mức giá một số mặt hàng tăng cao trong thời gian ngắn.
- D. mức giá xăng dầu tăng cao, liên tục.

b) *Nguyên nhân gây ra lạm phát do*

- A. các ngân hàng tăng lãi suất huy động vốn.
- B. Chính phủ tăng chi tiêu.
- C. tỉ lệ thất nghiệp tăng.
- D. giá thịt lợn tăng.

c) *Điều gì xảy ra khi lạm phát tăng cao?*

- A. Hộ gia đình cần ít tiền hơn để giao dịch.
- B. Doanh nghiệp trả lương thấp hơn.
- C. Mức giá chung tăng và duy trì mặt bằng giá mới.
- D. Giá trị đồng tiền giảm.

d) *Lạm phát có thể tăng do*

- A. mức thuế tăng.
- B. dân số gia tăng.
- C. giá các nguyên liệu sản xuất tăng.
- D. Chính phủ thắt chặt chi tiêu.

2. Em tán thành hay không tán thành với quan điểm nào dưới đây? Vì sao?

a. Lạm phát là hiện tượng kinh tế không diễn ra thường xuyên.

.....

b. Mỗi khi có lạm phát, Chính phủ đều giảm mức cung tiền để kiềm chế lạm phát.

.....

c. Ngân hàng luôn giảm lãi suất tiền gửi mỗi khi lạm phát tăng cao.

.....

d. Lạm phát chỉ tồn tại ở các nước có nền kinh tế chưa phát triển.

.....

.....

3. Em hãy cho biết những chính sách dưới đây của Nhà nước tác động thế nào đến tình hình lạm phát của nền kinh tế:

a. Chính phủ thực hiện miễn giảm thuế thu nhập cá nhân.

.....

.....

b. Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng.

.....

.....

c. Chính phủ giảm mức cung tiền cho thị trường.

.....

.....

4. Em hãy cho biết những biến động sau đây có thể làm cho lạm phát tăng hay không. Vì sao?

a. Hoạt động xuất khẩu tăng mạnh.

.....

.....

b. Các doanh nghiệp sử dụng nhiều nguyên, nhiên liệu nhập khẩu trong khi giá của chúng đang tăng cao.

.....

.....

c. Giá xăng tăng cao.

.....

.....

5. Em hãy nhận xét việc làm của các chủ thể ở các trường hợp dưới đây khi lạm phát trong nền kinh tế đang tăng cao:

a. Tỉnh B quyết định bắt đầu triển khai thực hiện dự án xây dựng sân golf.

.....

.....

b. Doanh nghiệp X xem xét tăng lương cho nhân viên.

.....

.....

c. Một số cửa hàng bán xăng dầu bán cầm chừng chờ tăng giá.

.....

.....

d. Chị M bán vàng lấy tiền gửi tiết kiệm.

6. Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện tác động tích cực của lạm phát ở mức cho phép.

BÀI 4

THẤT NGHIỆP

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *Thất nghiệp là*

- A. tình trạng của những người lao động đang chuẩn bị đi tìm kiếm việc làm.
- B. tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.
- C. người lao động không đi tìm việc làm mà trông chờ vào Nhà nước và các tổ chức xã hội.
- D. người lao động không đủ sức khỏe để làm việc và đang tìm một việc làm khác phù hợp hơn.

b) *Việc phân loại thất nghiệp thường dựa trên cơ sở nào?*

- A. Lí do thất nghiệp.
- B. Sự tác động của các yếu tố khách quan.
- C. Nguồn gốc và tính chất thất nghiệp.
- D. Sự tác động của thất nghiệp.

c) *Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp thể hiện:*

- A. Trong hệ thống chính trị, Nhà nước giữ vị trí trung tâm.
- B. Nhà nước có vai trò chủ đạo, đặc biệt quan trọng, mang tính chất quyết định trong hệ thống chính trị.
- C. Nhà nước có khả năng và điều kiện tạo việc làm cho tất cả những người bị thất nghiệp.
- D. Nhà nước thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ các doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho người lao động.

d) *Để dự báo tình hình thất nghiệp, Nhà nước đã làm gì?*

- A. Đào tạo lại nguồn nhân lực.
- B. Hoàn thiện khung pháp lí về lao động, việc làm.
- C. Thường xuyên điều tra và thông tin về tình hình thất nghiệp.
- D. Giúp người dân nhận thức được các loại hình thất nghiệp.

2. Em hãy cho biết những trường hợp sau đây thuộc loại hình thất nghiệp nào:

a. Người không đi làm để tập trung giải quyết việc gia đình.

.....

.....

b. Khi nhà máy chuyển đổi sản xuất từ cơ khí lên tự động hoá, hàng loạt lao động trong nhà máy bị mất việc làm.

.....

.....

c. Người đi du học mới về nước chưa tìm được việc làm.

.....

.....

3. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể sau:

a. Thấy chị gái sau mấy năm học đại học nhưng xin việc mãi không được nên C không thi đại học mà đăng kí học nghề sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông để nhanh chóng tìm được việc làm.

.....

.....

b. Hội khuyến học xã T thường xuyên liên lạc với các doanh nhân thành đạt trong xã để giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

.....

.....

c. Thấy lao động trong xã rơi vào tình trạng thất nghiệp thời vụ, ông H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã – đã chủ động liên hệ với công ty mây tre đan xuất khẩu của tỉnh và chính quyền địa phương để tạo việc làm cho người dân.

.....

.....

4. Em hãy nhận xét việc làm của các tổ chức, cá nhân dưới đây:

a. Xã A sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức hai khoá dạy nghề mây tre đan xuất khẩu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. Sau đó, các học viên này vẫn không có việc làm vì không có bất cứ một dự án sản xuất mây tre đan nào được tổ chức tại địa phương.

.....

.....

- b. Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng cao, chính quyền xã X đã đến từng hộ gia đình thống kê số người thất nghiệp để tìm giải pháp kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp, nhưng một số gia đình không hợp tác vì cho rằng Nhà nước không thể giải quyết được vấn đề này.

.....

.....

5. Em hãy xử lý các tình huống sau:

- a. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính đã 2 năm nhưng anh K vẫn chưa xin được việc làm đúng với chuyên môn của mình. Tham gia phiên giao dịch việc làm do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức, anh K cũng không tìm được việc làm, trong khi đó Công ty Y đang cần một nhân viên văn phòng và mời anh đến làm việc.

Theo em, anh K có nên làm nhân viên văn phòng tại Công ty Y hay không? Vì sao?

.....

.....

- b. Chị Đ thi 2 năm vẫn trượt đại học nên đã xin bố mẹ thế chấp nhà để vay tiền ngân hàng làm thủ tục xuất khẩu lao động qua sự môi giới của công ty xuất khẩu lao động.

Em sẽ có lời khuyên như thế nào đối với chị Đ?

.....

.....

- 6. Em hãy viết bài chia sẻ suy nghĩ của bản thân về việc mỗi người cần tạo ra một việc làm cho chính mình.**

.....

.....

.....

.....

- 7. Em hãy nêu những ý tưởng khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông để tạo việc làm cho bản thân và gia đình.**

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 3

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

BÀI 5

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *Lao động là hoạt động:*

- A. mang tính bản năng của con người để thích nghi với mọi hoàn cảnh và môi trường sống.
- B. để phân biệt hoạt động của con người với hoạt động mang tính bản năng của loài vật.
- C. có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội.
- D. nhằm thoả mãn các đam mê và nhu cầu của đời sống con người.

b) *Ý nào dưới đây thể hiện vai trò của lao động trong hoạt động sản xuất?*

- A. Lao động là một trong các yếu tố cấu thành giá trị hàng hoá.
- B. Lao động là một trong những yếu tố đầu vào của hoạt động sản xuất.
- C. Lao động là một trong những yếu tố đầu ra của hoạt động sản xuất.
- D. Lao động là một bộ phận không thể thiếu được của đời sống con người.

c) *Việc làm là hoạt động lao động*

- A. tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm.
- B. có mục đích của con người.
- C. nhằm kết nối con người với nhau trong mọi lĩnh vực.
- D. cơ bản nhất của con người trong mọi thời đại.

d) *Yếu tố cơ bản nhất được xác định trên thị trường việc làm là:*

- A. điều kiện làm việc của người lao động.
- B. thời gian làm việc của người lao động.
- C. thông tin cơ bản về người lao động.
- D. mức tiền công của người lao động.

2. Thị trường lao động và thị trường việc làm sẽ biến động như thế nào trong các trường hợp sau?

a. Cung về lao động trên thị trường ngày càng tăng nhưng không tăng đều giữa các ngành nghề.

.....
.....

b. Có nhiều nhà máy, xí nghiệp mới xây dựng trong khu vực.

.....
.....

c. Nhà nước công bố quy định tăng lương cơ bản cho người lao động.

.....
.....

d. Nhà nước có chủ trương chuyển từ nền kinh tế truyền thống sang kinh tế số.

.....
.....

3. Theo em, các nhận định sau đúng hay sai? Vì sao?

a. Thị trường việc làm kết nối cung – cầu lao động trên thị trường thông qua các phiên giao dịch việc làm.

.....
.....

b. Thị trường lao động hoạt động theo nguyên tắc thị trường bởi vậy không chịu sự tác động của Nhà nước.

.....
.....

c. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

.....
.....

d. Lao động là một trong những yếu tố đầu vào của hoạt động sản xuất.

.....
.....

4. Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong những trường hợp dưới đây:

- a. Là một sinh viên mới ra trường, đi làm được một năm nhưng anh T đã hai lần thay đổi chỗ làm vì cho rằng đó là cách để chọn được nơi làm việc tốt nhất.

.....

.....

- b. V có đam mê trở thành cô giáo dạy Ngữ văn nhưng lại đăng kí thi vào trường đại học kinh tế để sau này tìm được việc làm có thu nhập cao.

.....

.....

- c. D có ước mơ trở thành một kĩ sư xây dựng. Mặc dù đang học trung học phổ thông nhưng mỗi dịp nghỉ hè, D lại theo phụ bố làm thêm ở công trường xây dựng để rèn luyện kĩ năng và kinh nghiệm để sau này dễ tìm được việc làm.

.....

.....

5. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những trường hợp sau:

- a. Bạn B đang học lớp 11. Từ nhỏ, bạn đã có niềm đam mê với công nghệ, mong muốn trở thành một kĩ sư công nghệ thông tin nhưng bố mẹ không ủng hộ vì muốn bạn theo học đại học Y để trở thành bác sĩ.

.....

.....

- b. Anh H mới tốt nghiệp đại học nhưng khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin cũng như kĩ năng giao tiếp còn nhiều hạn chế. Anh đã ba lần tham gia tuyển dụng nhưng vẫn chưa tìm được việc làm.

.....

.....

- c. Với mơ ước trở thành công dân toàn cầu để có thể làm việc ở bất cứ nơi đâu, bạn A chỉ tập trung vào học ngoại ngữ.

.....

.....

6. Em hãy viết bài giới thiệu về xu hướng tuyển dụng lao động lành nghề tại các doanh nghiệp ở địa phương, đồng thời đưa ra lời khuyên cho các bạn về hoạt động học tập và rèn luyện để trở thành người lao động lành nghề.

CHỦ ĐỀ 4

Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

BÀI 6

Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *Ý tưởng kinh doanh tốt là ý tưởng*

A. khai thác được cơ hội kinh doanh.

B. tạo ra được lợi thế cạnh tranh.

C. vừa khai thác được cơ hội kinh doanh vừa tạo ra lợi thế cạnh tranh.

D. có chi phí thấp nhất.

b) *Nội dung nào dưới đây **không** là nguồn tạo ý tưởng kinh doanh?*

A. Tạo ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ góp phần cải thiện cuộc sống.

B. Tạo ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ có điểm mới về hình thức, chất lượng.

C. Cải tiến hình thức tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm cho thị trường.

D. Tạo ra sản phẩm theo nhu cầu của cá nhân người sản xuất.

c) *Cơ hội kinh doanh được xác định khi có khả năng*

A. cung cấp dịch vụ chất lượng tương tự như các đối thủ trên thị trường.

B. tạo ra sản phẩm giống như đối thủ trên thị trường.

C. cung cấp dịch vụ chất lượng tốt hơn hiện tại.

D. tạo ra nhiều sản phẩm hơn đối thủ.

d) *Việc xác định cơ hội kinh doanh **không** dựa trên cơ sở nào dưới đây?*

A. Thị trường có nhu cầu.

B. Hạn chế thấp nhất những rủi ro.

C. Huy động được nhiều nguồn lực sẵn có.

D. Sở thích của chủ kinh doanh.

- e) Việc làm nào dưới đây **không** thực sự cần thiết khi lựa chọn cơ hội kinh doanh?
- A. Phân tích nguồn nhân lực của doanh nghiệp.
 - B. Phân tích loại hàng hoá, dịch vụ định kinh doanh.
 - C. Phân tích tình hình thị trường lao động.
 - D. Phân tích đối tượng khách hàng.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

- a. Ý tưởng kinh doanh tốt là đáp ứng được nhu cầu thị trường.

.....

- b. Ý tưởng kinh doanh tốt là phải mang lại giá trị cho doanh nghiệp.

.....

- c. Cơ hội kinh doanh là do những điều kiện, hoàn cảnh khách quan mang đến.

.....

- d. Mọi cơ hội kinh doanh đều là những điều kiện thuận lợi nên cần nắm bắt và thực hiện ngay.

.....

3. Em hãy cho biết những việc làm sau đây có thể mang lại kết quả kinh doanh như thế nào. Vì sao?

- a. Hằng năm, Công ty A thường tiến hành khảo sát khách hàng đánh giá chất lượng sản phẩm đang cung cấp và đề xuất mong muốn về sản phẩm mới để tìm kiếm ý tưởng kinh doanh.

.....

- b. Ông chủ quán phở Y luôn phân tích những ưu thế của đối thủ cạnh tranh để tìm ra ý tưởng kinh doanh mới.

.....

- c. Bà P có ý tưởng sẽ mở quán, kinh doanh những món ăn theo sở thích cá nhân để phục vụ khách hàng.

.....

.....

4. Em hãy cho biết những việc làm sau đây có đóng góp hay ảnh hưởng thế nào đến kết quả kinh doanh.

- a. Có ý tưởng kinh doanh cà phê, anh K xây dựng ý tưởng bằng cách xác định đối tượng khách hàng của mình là các bạn sinh viên; lựa chọn thuê địa điểm ở gần trường đại học; trang trí quán theo phong cách phù hợp với sở thích của các bạn trẻ; xác định phương thức kinh doanh mới mẻ hơn, mang lại sự tiện lợi cho khách hàng; kết hợp bán trực tiếp với bán qua mạng xã hội;...

.....

.....

- b. Gia đình bác T mới chuyển lên thành phố sinh sống. Quan sát thấy hai quán cơm bình dân ở gần nhà có nhiều thực khách, bác quyết định mở quán cơm để kinh doanh mà không cần quan tâm đến đối thủ cạnh tranh vì cho rằng đây là cơ hội tốt giúp có thêm thu nhập và phù hợp với sở trường nấu nướng của bản thân.

.....

.....

5. Em hãy lấy một ví dụ trong thực tế để chứng minh quan điểm: “Cơ hội kinh doanh xuất hiện khi bạn có ý tưởng khắc phục một khiếm khuyết của sản phẩm đang có”.

.....

.....

.....

6. Giả định trường em tổ chức hội chợ nhân kỉ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ, em hãy xây dựng ý tưởng kinh doanh và phân tích ý tưởng đó với thầy cô và các bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 5

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

BÀI 7

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) Đạo đức kinh doanh có vai trò

- A. góp phần làm hài lòng khách hàng nhưng không tạo ra lợi nhuận.
- B. góp phần tạo ra lợi nhuận, khẳng định chất lượng của doanh nghiệp.
- C. góp phần điều chỉnh hành vi của chủ thể kinh doanh nhưng không làm hài lòng khách hàng.
- D. không tạo ra lợi nhuận nhưng tạo ra sự tận tâm của nhân viên.

b) Đạo đức kinh doanh **không** góp phần

- A. cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả công việc.
- B. tạo sự trung thành của khách hàng.
- C. làm lợi ích kinh tế đạt được lớn hơn.
- D. làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

c) Đạo đức kinh doanh góp phần gắn kết và tạo ra sự tận tâm của nhân viên vì

- A. tạo được môi trường lao động an toàn, thù lao thích đáng và thực hiện đầy đủ trách nhiệm ghi trong hợp đồng.
- B. khách hàng sẽ thích mua sản phẩm của doanh nghiệp có danh tiếng tốt.
- C. khi đặt lợi ích của khách hàng lên trên hết thì công ty sẽ phát triển vững mạnh.
- D. tạo ra nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Đạo đức kinh doanh chỉ đề cập đến đối tượng là các chủ cơ sở kinh doanh.

.....

.....

b. Đạo đức kinh doanh tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh.

.....

.....

c. Đạo đức kinh doanh tạo ra sự cam kết và tận tâm với doanh nghiệp.

.....

.....

d. Đảm bảo đạo đức kinh doanh và thực hiện mục tiêu lợi nhuận luôn mâu thuẫn với nhau.

.....

.....

3. Em hãy cho biết vai trò của đạo đức kinh doanh trong các trường hợp dưới đây:

a. Doanh nghiệp A rất coi trọng việc bảo đảm an toàn cho người lao động trong quá trình sản xuất.

.....

.....

b. Ngay từ khi mới thành lập, Công ty B đã kiểm soát nghiêm ngặt vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong toàn bộ quy trình sản xuất.

.....

.....

c. Doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng K luôn tuân thủ quy trình xử lý chất thải công nghiệp trong quá trình sản xuất.

.....

.....

d. Công ty Z kinh doanh đúng những mặt hàng đã được quy định trong giấy phép kinh doanh và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng bảo hiểm cho các nhân viên trong công ty.

.....

.....

4. Em hãy cho biết hành vi của các chủ thể kinh doanh trong những trường hợp sau là phù hợp hay vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Vì sao?

a. Công ty G đã sử dụng hàng nước ngoài kém chất lượng, dán tem hàng Việt Nam chất lượng cao để bán.

.....

.....

- b. Cô X đã cung cấp thông tin bí mật về một công nghệ mới của công ty mình đang làm việc cho một đối tác để được nhận một khoản tiền.

.....

.....

- c. Thấy các nguyên liệu để làm bánh kẹo đã quá hạn ghi trên bao bì, anh C đề nghị với Giám đốc xí nghiệp không sử dụng các nguyên liệu đó để sản xuất mặc dù hương vị vẫn thơm ngon, màu sắc vẫn hấp dẫn.

.....

.....

5. Em hãy viết bài nói về đạo đức kinh doanh mang lại sự tin tưởng của xã hội đối với đội ngũ doanh nhân Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Em hãy sưu tầm và viết bài giới thiệu về một tấm gương đạo đức kinh doanh của một doanh nhân.

.....

.....

.....

.....

7. Em hãy cùng các bạn xây dựng kịch bản và biểu diễn tiểu phẩm về một học sinh đã vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 6

VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

BÀI 8

VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *Văn hoá tiêu dùng là*

- A. những nét đẹp trong tập quán, thói quen tiêu dùng của cộng đồng và toàn dân tộc.
- B. nguyên nhân cơ bản và đầu tiên dẫn đến hành vi tiêu dùng.
- C. những hành vi tiêu dùng của con người ở bất kì nơi đâu.
- D. những đặc điểm tiêu dùng của mỗi cá nhân, cộng đồng và cả dân tộc.

b) *Nội dung nào dưới đây **không** đúng về vai trò của văn hoá tiêu dùng?*

- A. Là cơ sở giúp cho các doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.
- B. Góp phần tạo nên những sắc thái văn hoá ngày càng phong phú, đa dạng của cộng đồng, dân tộc.
- C. Làm thay đổi phong cách tiêu dùng, tác phong lao động của con người.
- D. Là tập hợp các hành vi tiêu dùng thể hiện ở mọi lúc, mọi nơi bị chi phối bởi việc tiêu dùng.

c) *Một trong những đặc điểm của văn hoá tiêu dùng Việt Nam là*

- A. chịu tác động của các xu hướng tiêu dùng trên thế giới.
- B. tiêu dùng xanh, tiêu dùng sạch, tiêu dùng số, tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm ngày càng chiếm ưu thế.
- C. thường “sính ngoại” và không quan tâm đến những hàng hoá sản xuất trong nước.
- D. chịu tác động của điều kiện địa lí.

d) *Mỗi người dân cần phải làm gì để xây dựng được văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam?*

- A. Tiêu dùng theo sở thích của bản thân và gia đình.
- B. Chỉ tiêu dùng các sản phẩm giá rẻ.
- C. Xây dựng thói quen tiêu dùng thông minh, thân thiện với môi trường.
- D. Chỉ tiêu dùng các sản phẩm nhập khẩu.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?

a. Tiêu dùng là mục đích và động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

.....

.....

b. Dùng hàng hiệu mới thể hiện được phong cách và giá trị bản thân.

.....

.....

c. Muốn phát triển, doanh nghiệp cần phải nghiên cứu văn hoá tiêu dùng.

.....

.....

d. Người tiêu dùng thông minh là người có lựa chọn hợp lí cho các sản phẩm tiêu dùng trên thị trường.

.....

.....

e. Để thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá, cần phải hiểu về văn hoá tiêu dùng.

.....

.....

3. Em hãy bày tỏ ý kiến của mình về các quan điểm dưới đây:

a. “Ăn lấy chắc, mặc lấy bền”.

.....

.....

b. Văn hoá tiêu dùng “con gà tức nhau tiếng gáy” chi phối xu hướng tiêu dùng của phần lớn người Việt hiện nay.

.....

.....

c. Yếu tố vùng miền không ảnh hưởng gì đến văn hoá tiêu dùng.

.....

.....

- d. Tiêu dùng có văn hoá sẽ thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội.

4. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể dưới đây:

- a. Bạn N rất tự hào vì được các bạn phong tặng biệt danh “Cây thời trang hàng hiệu”.
- b. Khi đi ăn tự chọn, T luôn dành ra vài phút để dạo quanh một vòng xem thực đơn của nhà hàng có những gì để xem những món nào mình thích và vị trí ở đâu. Sau đó mới đi lấy đĩa và lựa chọn lần lượt từ món khai vị, món chính đến món tráng miệng và chỉ lấy vừa đủ ăn.
- c. Chính quyền tỉnh H vận động người dân mỗi huyện sản xuất một loại hàng thủ công mỹ nghệ mang đậm bản sắc của địa phương để tổ chức bán trong các buổi hội chợ của tỉnh.
- d. Khi xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, Công ty Y chỉ quan tâm đến chính sách sản phẩm.

5. Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Bạn Q có thói quen sử dụng các loại thức ăn nhanh vì cho rằng rất tiện lợi và ngon miệng.

- Em có nhận xét gì về hành vi tiêu dùng này của bạn Q?
- Nếu là bạn thân của Q, em sẽ nói gì với bạn về thói quen này?

6. Em hãy viết bài giới thiệu chương trình OCOP (mỗi xã/phường một sản phẩm) tại địa phương để quảng bá hình ảnh và văn hoá tiêu dùng.

PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

CHỦ ĐỀ 7

QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

BÀI 9

QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) Mọi công dân đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là biểu hiện công dân bình đẳng về

- A. quyền và nghĩa vụ.
- B. quyền và trách nhiệm.
- C. nghĩa vụ và trách nhiệm.
- D. trách nhiệm pháp lí.

b) Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải bị xử lí theo quy định của pháp luật là thể hiện bình đẳng về

- A. quyền và nghĩa vụ.
- B. thực hiện pháp luật.
- C. trách nhiệm pháp lí.
- D. trách nhiệm trước Tòa án.

c) Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính và địa vị xã hội là thể hiện quyền bình đẳng nào dưới đây của công dân?

- A. Bình đẳng dân tộc.
- B. Bình đẳng về thành phần xã hội.
- C. Bình đẳng tôn giáo.
- D. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

d) Mọi công dân khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền kinh doanh là thể hiện công dân bình đẳng

- A. về quyền và nghĩa vụ.
- B. trong sản xuất.
- C. trong kinh tế.
- D. về điều kiện kinh doanh.

e) Bác Hồ nói: "Hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử, không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái". Câu nói của Bác Hồ có nghĩa là công dân bình đẳng về

- A. trách nhiệm với đất nước.
- B. trách nhiệm pháp lí.
- C. quyền và nghĩa vụ.
- D. quyền của công dân.

2. Nhận định nào dưới đây là đúng về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật? Vì sao?

- a. Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ như nhau.

- b. Công dân nào cũng được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

- c. Mọi công dân vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

- d. Mọi công dân vi phạm cùng một quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lí như nhau.

3. Em hãy nhận xét, đánh giá hành vi/ việc làm của các chủ thể dưới đây:

- a. Anh M năm nay đủ 18 tuổi nhưng cán bộ xã T đã không ghi tên vào danh sách cử tri để anh tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp với lí do anh M không đọc thông, viết thạo tiếng Việt.

1/ Hành vi của cán bộ xã T là thực hiện đúng hay vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật? Vì sao?

2/ Trong trường hợp này, anh M cần làm gì để thực hiện quyền bình đẳng của mình?

- b. Anh V là người tỉnh A đã theo học nghề làm gốm sứ tại làng nghề gốm truyền thống thuộc tỉnh B. Dựa vào kiến thức, kinh nghiệm và biết áp dụng công nghệ vào sản xuất, quảng bá sản phẩm, nắm bắt nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, anh V đã mở xưởng sản xuất riêng tại tỉnh B, thu hút nhiều lao động của tỉnh B vào làm việc, giúp người dân nơi đây thoát nghèo. Những người đã từng dạy nghề làm gốm sứ cho anh V buộc phải thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh để có thể cạnh tranh với anh V và cùng tồn tại, phát triển ngay trên quê hương của mình.

Việc anh V mở xưởng sản xuất tại tỉnh B có phải là thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực kinh tế không? Vì sao?

- c. G và N cùng tốt nghiệp trung học phổ thông. G dự thi và trúng tuyển vào hệ chính quy của Trường Đại học B, còn N đi làm công nhân tại Nhà máy X, sau đó dự thi và trúng tuyển vào hệ vừa học vừa làm cũng của Trường Đại học B. Sau những năm miệt mài học tập, cả hai đều tốt nghiệp Trường Đại học B và cùng làm việc tại Nhà máy X.

1/ Quyền bình đẳng trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục được G và N thực hiện như thế nào?

.....

2/ Việc G và N cùng làm việc tại Nhà máy X có thể hiện sự bình đẳng của công dân không? Vì sao?

.....

- d. Bà U kinh doanh mặt hàng điện máy, ông Y kinh doanh vật liệu xây dựng. Cả hai cùng trốn thuế nên đã bị cơ quan có thẩm quyền truy thu thuế và xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Việc cơ quan có thẩm quyền truy thu thuế và xử phạt hành chính đối với bà U và ông Y có thể hiện sự bình đẳng về nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí của công dân trước pháp luật không? Vì sao?

.....

4. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

- a. Trường Trung học phổ thông H có một lớp chọn dành cho học sinh giỏi. Điều kiện để vào lớp học này là phải thi đỗ với số điểm cao. Nhiều bạn muốn vào lớp học này để có điều kiện học tập tốt hơn nhưng khi thi chỉ đủ điểm đỗ vào các lớp đại trà. Các bạn này nói, họ không được bình đẳng với các bạn được tuyển vào lớp chọn. Một số bạn khác thì băn khoăn vì không hiểu nên suy nghĩ như thế nào cho đúng.

1/ Theo em, giữa các bạn thi đỗ, được tuyển vào lớp chọn với các bạn không được tuyển vào lớp chọn có sự bình đẳng với nhau không? Vì sao?

.....

2/ Em hiểu thế nào là quyền bình đẳng của học sinh trong việc thi và tuyển vào lớp chọn?

.....

- b. P và C là bạn thân, cùng đủ 18 tuổi. P không thi đỗ đại học nên ở nhà làm thợ mộc cùng bố, còn C thì thi đạt kết quả cao nên đã đến thành phố học đại học. Một thời gian sau, chỉ có P là thực hiện nghĩa vụ quân sự, nhập ngũ phục vụ trong Quân đội, còn C được tạm hoãn gọi nhập ngũ và vẫn tiếp tục học ở trường đại học. Có người nói đây là biểu hiện bất bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ của công dân.

Em có thể giải thích thế nào về biểu hiện này?

- c. Vào giờ tan học buổi chiều, hai học sinh gồm T (17 tuổi) và M (15 tuổi) đi vào đường ngược chiều nên bị cảnh sát giao thông xử phạt. T bị phạt tiền, M thì không bị phạt tiền mà chỉ bị phạt cảnh cáo bằng văn bản. Khi về nhà, T kể lại cho bố mẹ câu chuyện này. Bố mẹ T bức xúc, vì cho rằng chú cảnh sát giao thông xử phạt như vậy là không công bằng: Cùng đi xe đạp vào đường ngược chiều mà người thì bị phạt tiền, người thì chỉ bị phạt cảnh cáo.

1/ Theo em, tại sao trong trường hợp này, đối với cùng một vi phạm như nhau mà chú cảnh sát giao thông lại áp dụng các hình thức xử phạt khác nhau?

2/ Hành vi xử phạt của chú cảnh sát giao thông có trái với nguyên tắc “Mọi công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý” hay không? Vì sao?

5. Em hãy đọc các điều của những Tuyên ngôn dưới đây và trả lời câu hỏi:

- a. “Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và nhân quyền. Mọi con người đều được tạo hoá ban cho lí trí và lương tâm và cần phải đối xử với nhau trong tình bằng hữu”.

(Điều 1 Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế của Liên hợp quốc)

- b. “Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau không có bất cứ sự phân biệt nào. Tất cả mọi người đều được bảo vệ như nhau chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử vi phạm. Bản Tuyên ngôn này cũng như chống lại mọi hành vi xúi giục phân biệt đối xử như vậy”.

(Điều 7 Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế của Liên hợp quốc)

- c. “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

(Trích Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh)

1/ Em hãy cho biết ý nghĩa của các Tuyên ngôn nêu trên.

2/ Theo em, pháp luật có vai trò gì trong việc đảm bảo sự bình đẳng giữa con người với con người trong xã hội?

BÀI 10

BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *Bình đẳng giới là*

- A. bình đẳng về vị trí, vai trò, cơ hội giữa nam và nữ.
- B. bình đẳng về vị trí, vai trò, cơ hội giữa mọi công dân.
- C. bình đẳng về vị trí, vai trò, cơ hội giữa những người lao động.
- D. bình đẳng về vị trí, vai trò, cơ hội giữa người lao động và người sử dụng lao động.

b) *Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị thể hiện ở*

- A. sự bình đẳng giữa nam và nữ về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng.
- B. sự bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- C. sự bình đẳng giữa nam và nữ trong tham gia quản lí nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.
- D. sự bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.

c) *Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động là biểu hiện của bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?*

- A. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.
- B. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.
- C. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.
- D. Bình đẳng giới trong gia đình.

d) *Bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống gia đình và xã hội sẽ*

- A. bảo đảm cho nam, nữ có cơ hội cùng có tiếng nói chung, cùng tham gia và có vị trí, vai trò ngang nhau trong việc quyết định các vấn đề chung của đất nước, địa phương, cơ quan, tổ chức cũng như mỗi gia đình.

- B. chỉ mang lại những thay đổi tích cực trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục.
- C. chỉ mang lại những thay đổi tích cực trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.
- D. bảo đảm cho nữ giới phát triển và có nhiều quyền hơn nam giới.

2. Em hãy cho biết mỗi quy định pháp luật dưới đây đề cập đến bình đẳng giới trong lĩnh vực nào. Vì sao?

- a. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

.....

- b. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

.....

- c. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lí, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

.....

- d. Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

.....

- e. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

.....

3. Em hãy cho biết hành vi của mỗi chủ thể trong các tình huống dưới đây là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực nào. Vì sao?

- a. Vợ chồng ông A có tài sản chung là một ngôi nhà xây trên mảnh đất rộng 500 m². Ông bà có hai người con trai. Ông A muốn để lại tài sản cho con trai đầu vì cho rằng người đó phải ở với vợ chồng ông và lo việc cúng giỗ tổ tiên sau này. Vợ ông thì muốn chia đều cho cả hai con vì bà cho rằng con nào cũng là con của ông bà nên phải được hưởng phần tài sản thừa kế như nhau. Ông A kiên quyết không cho vợ tham gia vào việc định đoạt tài sản vì cho rằng phụ nữ chỉ được lo việc nội trợ nên quyền định đoạt tài sản là của mình ông.

.....

.....

- b. Ông N có hai con trai và một con gái đang độ tuổi đi học. Với suy nghĩ con gái thì chỉ cần lấy chồng là được nên ông N chỉ cho hai con trai đi học trung học phổ thông, còn bắt con gái phải ở nhà làm nông nghiệp và nội trợ phụ giúp gia đình.

- c. Khi biết em dâu là chị H được tiến cử bổ nhiệm làm Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, ông K (là công chức tại Ủy ban nhân dân huyện) đã nhiều lần có hành vi chửi bới, đe dọa và yêu cầu chị H phải xin thôi bổ nhiệm.

4. Em hãy đọc điểm a và b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 125/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới và trả lời câu hỏi.

1. Phạt tiền từ 2 000 000 đồng đến 3 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vi định kiến giới;
b. Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vi định kiến giới;

1/ Quy định trên được ban hành để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến lĩnh vực nào?

2/ Theo quy định trên thì những hành vi nào bị coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực này? Chủ thể thực hiện những hành vi đó sẽ phải chịu hậu quả gì? Vì sao?

5. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể trong những trường hợp sau:

- a. T có một em gái, mẹ là giáo viên và bố là doanh nhân. Hằng ngày, mọi công việc trong nhà đều do mẹ và em gái đảm nhận. Chỉ những ngày kỉ niệm Quốc tế Phụ nữ 8 – 3 hay thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20 – 10, bố và T mới bàn nhau mua hoa, tặng quà và chia sẻ việc nhà với mẹ và em gái.

Hành vi của T và bố T có phù hợp với quy định của pháp luật về bình đẳng giới không? Vì sao?

.....

.....

- b. Bố A làm việc trong một công ty may mặc. Bố rất yêu thương, quan tâm chăm sóc cho A và em gái. Bố thường xuyên nhắc nhở A không được bắt nạt em và cùng bố mẹ làm những công việc nội trợ trong nhà.

Hành vi của bố A có thực hiện đúng pháp luật về bình đẳng giới không? Vì sao?

.....

.....

- c. Công ty D tuyển nhân viên làm lái xe taxi. Chị K đến nộp hồ sơ dự tuyển nhưng bị công ty từ chối với lý do chị là nữ, làm việc một thời gian rồi sinh con, nuôi con nhỏ sẽ ảnh hưởng đến công việc.

Việc Công ty D từ chối nhận hồ sơ dự tuyển của chị K có vi phạm pháp luật về bình đẳng giới không? Vì sao?

.....

.....

BÀI 11

QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là

- A. các dân tộc được Nhà nước và pháp luật tôn trọng.
- B. các dân tộc được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và pháp luật tạo điều kiện phát triển.
- C. các dân tộc được Nhà nước và pháp luật bảo vệ.
- D. các dân tộc được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ.

b) Ở nước ta luôn có người dân tộc thiểu số đại diện cho quyền lợi của các dân tộc thiểu số tham gia làm đại biểu Quốc hội. Điều này thể hiện quyền

- A. bình đẳng giữa các vùng miền.
- B. bình đẳng giữa dân tộc miền núi và miền xuôi.
- C. bình đẳng giữa các thành phần dân cư.
- D. bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị.

- c) Ý kiến nào dưới đây là *sai* về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế?
- Người dân các dân tộc đa số và thiểu số đều có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.
 - Chỉ có các dân tộc thiểu số mới có quyền tự do đầu tư, kinh doanh ở địa bàn miền núi.
 - Người dân các dân tộc đa số và thiểu số đều có nghĩa vụ đóng thuế kinh doanh theo quy định của pháp luật.
 - Nhà nước đảm bảo và thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.
- d) Các dân tộc đều có quyền giữ gìn, phát huy những phong tục tập quán, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình. Điều này thể hiện các dân tộc đều bình đẳng trong lĩnh vực nào dưới đây?
- Kinh tế.
 - Văn hoá, giáo dục.
 - Chính trị.
 - Xã hội.
- e) Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chính sách ưu tiên cộng điểm trong tuyển sinh đại học cho học sinh người dân tộc thiểu số là thể hiện
- học sinh người dân tộc thiểu số được ưu tiên hơn người dân tộc Kinh.
 - các dân tộc bình đẳng về điều kiện học tập.
 - học sinh dân tộc thiểu số đều được học đại học.
 - học sinh các dân tộc bình đẳng về cơ hội học tập.
- g) Nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc về giáo dục được hiểu là các dân tộc đều
- bình đẳng hưởng thụ một nền giáo dục.
 - bình đẳng trong hưởng thụ một nền văn hoá.
 - được học theo nhu cầu.
 - được quan tâm phát triển giáo dục mũi nhọn.

2. Em hãy nêu nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong thông tin dưới đây:

“... Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc...”.

(Trích Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr.170)

.....

.....

.....

3. Vì sao nói: “Bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết dân tộc, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”?

.....

.....

.....

4. Em hãy lấy ví dụ để chứng minh Nhà nước ta luôn quan tâm tạo điều kiện thực hiện quyền bình đẳng về kinh tế, văn hoá, giáo dục giữa các dân tộc.

.....

.....

.....

5. Em hãy kể một việc làm cụ thể của bản thân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

.....

.....

.....

BÀI 12

QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC TÔN GIÁO

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là*

- A. các tôn giáo có quyền hoạt động theo giáo lí, giáo luật riêng của tôn giáo mình.
B. các tôn giáo được quyền ưu tiên trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ.
C. các tôn giáo đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật và được pháp luật bảo vệ.
D. các tôn giáo đều có quyền hoạt động tự do, không giới hạn.

b) *Các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước đối xử bình đẳng như nhau và được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, là nội dung của bình đẳng*

- A. giữa các tôn giáo.
B. giữa các tín ngưỡng.
C. giữa các chức sắc.
D. giữa các tín đồ.

- c) Các tổ chức tôn giáo, người theo các tôn giáo khác nhau dù ở bất kì cương vị nào nếu vi phạm pháp luật cũng đều bị xử lí theo
- A. điều lệ của tổ chức tôn giáo. B. pháp luật.
C. quyết định của Tòa án. D. quyết định của chính quyền địa phương.

- d) Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là
- A. cơ sở để đảm bảo trật tự và an toàn xã hội.
B. cơ sở để thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị, hợp tác.
C. cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
D. cơ sở, nguyên tắc để chống diễn biến hoà bình.

2. Ý kiến dưới đây đúng hay sai khi nói về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? Vì sao?

- a. Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

.....
.....

- b. Các tôn giáo đều có quyền hoạt động theo ý muốn của mình.

.....
.....

- c. Các tôn giáo hợp pháp đều được pháp luật bảo hộ.

.....
.....

- d. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là cơ sở, tiền đề quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

.....
.....

- e. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo chỉ tạo điều kiện cho các tôn giáo lớn phát triển.

.....
.....

3. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

- a. Trong hội nghị hiệp thương về bầu cử, bà A là cán bộ phụ trách đã loại hồ sơ của ông C ra khỏi danh sách ứng cử Hội đồng nhân dân cấp xã với lí do gia đình ông mới chuyển về được 2 năm và gia đình ông còn theo đạo. Tuy nhiên, anh H (là cán bộ cùng tổ phụ trách Hội nghị hiệp thương với bà A) đã không đồng tình và đề nghị bà A giữ nguyên danh sách có ông C.

Trong tình huống này, ai thực hiện đúng, ai vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? Vì sao?

b. Tôn giáo N có những bài tuyên truyền về tôn giáo Q không đúng sự thật, gây ra những hiểu lầm, mâu thuẫn giữa hai tôn giáo với nhau. Các tín đồ của tôn giáo Q bức xúc nên đã xô xát, đánh đập các tín đồ của tôn giáo N. Cả hai tôn giáo đều đã bị Tòa án nhân dân huyện xét xử và áp dụng hình phạt theo quy định của pháp luật.

Trong tình huống này, chủ thể nào đã thực hiện đúng, chủ thể nào vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? Vì sao?

4. Em hãy kể những việc làm của mình và người thân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

5. Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu các nét đẹp về đạo đức, văn hoá tốt đẹp của các tôn giáo ở địa phương và viết bài luận chia sẻ với các bạn trong lớp.

CHỦ ĐỀ 8

MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

BÀI 13

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

- a) *Việc làm nào sau đây là thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân?*
- A. Tham gia tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội.
 - B. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân xã về phát triển sản xuất ở xã mình.
 - C. Đóng góp tiền ủng hộ nhân dân vùng lũ lụt.
 - D. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong trường học.
- b) *Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội có ý nghĩa như thế nào đối với công dân?*
- A. Là cơ sở pháp lý để công dân được tự do quyết định mọi vấn đề của Nhà nước và xã hội.
 - B. Là cơ sở để công dân tự do tham gia các hoạt động xã hội.
 - C. Là cơ sở để công dân có các quyền dân chủ khác.
 - D. Là cơ sở pháp lý để công dân đóng góp công sức của mình vào việc xây dựng, quản lý, bảo vệ và phát triển bộ máy nhà nước và xã hội.
- c) *Là học sinh lớp 11, em có thể thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội bằng cách nào dưới đây?*
- A. Tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.
 - B. Tham gia các hoạt động từ thiện do nhà trường tổ chức.
 - C. Tham gia đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến thanh, thiếu niên ở địa phương.
 - D. Tham gia tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- a. Trẻ em có thể thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội bằng những việc làm phù hợp với năng lực, độ tuổi.

.....

.....

- b. Gửi đơn khiếu nại cũng là một hình thức thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân.

.....

.....

- c. Thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội thể hiện lòng yêu nước của công dân.

.....

.....

- d. Tất cả mọi người dân sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

.....

.....

3. Hành vi/ việc làm dưới đây thực hiện đúng hay vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân? Vì sao?

- a. Đăng tin phê phán cán bộ nhà nước lên mạng xã hội.

.....

.....

- b. Gửi đơn thư đến cơ quan công an tố cáo người vi phạm pháp luật.

.....

.....

- c. Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp bất cứ tài liệu nào mà mình cần.

.....

.....

- d. Tham gia giám sát việc xây dựng cơ sở hạ tầng (đường sá, cầu đường) tại địa phương.

.....

.....

4. Em hãy đưa ra các phương án xử lý phù hợp cho những tình huống sau:

- a. Trong cuộc họp tổng kết cuối kì, các bạn trong lớp đề nghị M – thủ quỹ của lớp công khai chi tiết các khoản thu, chi quỹ lớp nhưng bị M từ chối. M cho rằng các khoản thu, chi của quỹ lớp đã được cô giáo chủ nhiệm và ban cán sự lớp thông qua nên các bạn khác không có quyền thắc mắc.

Nếu là bạn học của M, em sẽ làm gì?

.....

.....

- b. Hôm nay thôn tổ chức một cuộc họp thảo luận về việc đóng góp sửa chữa đường giao thông nhưng vợ chồng anh H không muốn tham gia. Hai người cho rằng mình không có ý kiến đóng góp nên không cần đi họp, chờ quyết định mức đóng góp của từng gia đình sẽ nộp tiền.

Nếu là người thân của vợ chồng anh H, em sẽ khuyên họ như thế nào?

.....

.....

.....

5. Em hãy liệt kê các việc làm của bản thân hoặc của gia đình mình nhằm góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 14

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

- a) Người nào dưới đây **không được** thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?

- A. Người đang phải chấp hành hình phạt tù.
B. Người đang bị nghi ngờ vi phạm pháp luật.
C. Người không biết chữ.
D. Người đang đi công tác xa nhà.

b) Người nào dưới đây **không được** thực hiện quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?

- A. Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
- B. Người công tác ở vùng sâu, vùng xa.
- C. Người chưa tốt nghiệp đại học.
- D. Người đang nuôi con nhỏ.

c) Cụ A vì già yếu, không đi lại được nên tổ bầu cử đã mang hòm phiếu đến tận nhà để cụ bỏ phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Theo em, việc làm của tổ bầu cử đã đảm bảo nguyên tắc nào dưới đây khi thực hiện quyền bầu cử của công dân?

- A. Nguyên tắc bình đẳng.
- B. Nguyên tắc phổ thông.
- C. Nguyên tắc trực tiếp.
- D. Nguyên tắc tự nguyện.

2. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Tất cả người dân từ đủ 18 tuổi trở lên đang sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

.....

b. Công dân thực hiện tốt quyền bầu cử là gián tiếp tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

.....

c. Học sinh chưa đủ 18 tuổi không có trách nhiệm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử.

.....

d. Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là góp phần xây dựng, phát triển bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

.....

3. Các chủ thể dưới đây thực hiện đúng hay vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử? Vì sao?

a. Anh A tự ý viết và bỏ phiếu bầu cử thay cho người thân bị bệnh nặng.

.....

- b. Chị X đăng thông tin sai sự thật về ứng viên ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã lên mạng xã hội.
-
- c. Chú M chủ động liên hệ cán bộ Tổ bầu cử nhờ hướng dẫn, giải đáp những thông tin về bầu cử chưa nắm rõ.
-
- d. Ông P yêu cầu người thân không bỏ phiếu bầu cử cho người có mâu thuẫn với mình.
-
- e. Bà Q vận động mọi người bỏ phiếu bầu cho chồng mình và hứa sẽ tặng quà cảm ơn.
-
4. Em hãy tư vấn để giúp các chủ thể dưới đây thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ bầu cử:
- a. Gần đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, anh K cảm thấy rất lo lắng. Anh không biết chữ nên không biết phải làm sao để có thể tham gia bỏ phiếu bầu cử như mọi người.
-
- b. Chị P (20 tuổi) không may bị khuyết tật vận động bẩm sinh nên luôn phải nhờ người thân giúp đỡ trong sinh hoạt hằng ngày. Gần đây, chị P nghe nhiều người bàn luận về việc tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kì mới nên rất băn khoăn. Chị không biết mình có được tham gia bỏ phiếu hay không và nếu được tham gia thì phải làm gì để thực hiện đúng quy định của pháp luật.
-
- c. Ngày mai sẽ diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhưng cụ X (hơn 90 tuổi) cảm thấy không vui. Cụ sợ mình già yếu, đi lại không thuận tiện nên không thể tham gia bỏ phiếu bầu như mọi người.
-

BÀI 15

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *Người khiếu nại có quyền và nghĩa vụ nào dưới đây?*

- A. Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
- B. Trình bày thiếu trung thực sự việc.
- C. Từ chối chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại nếu chưa hài lòng.
- D. Gửi đơn khiếu nại tới bất kì cơ quan nhà nước nào.

b) *Người bị khiếu nại không có quyền và nghĩa vụ nào dưới đây?*

- A. Đưa ra chứng cứ về tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại.
- B. Uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại.
- C. Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại.
- D. Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

c) *Người tố cáo có quyền và nghĩa vụ nào dưới đây?*

- A. Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác.
- B. Không phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo.
- C. Được tiếp tục tố cáo khi chưa hài lòng với quyết định giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
- D. Được yêu cầu người bị tố cáo bồi thường thiệt hại theo mong muốn.

d) *Người bị tố cáo có quyền và nghĩa vụ nào dưới đây?*

- A. Không phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của mình.
- B. Được giải trình, đưa ra chứng cứ để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật.
- C. Khiếu nại quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo ý muốn của bản thân.
- D. Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giữ bí mật nội dung tố cáo.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- a. Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền khiếu nại, tố cáo nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công dân bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân và Nhà nước.

b. Khi gửi đơn tố cáo, công dân được phép yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho bản thân mình.

c. Trẻ em còn nhỏ nên không được thực hiện quyền khiếu nại.

d. Công dân có thể bị xử phạt theo quy định của pháp luật nếu cố tình cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện quyền tố cáo.

e. Đăng bài lên mạng xã hội là việc làm thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

3. Các chủ thể dưới đây thực hiện đúng hay vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo? Vì sao?

a. Cán bộ T khuyên anh B nên rút đơn tố cáo để tránh bị trả thù nhưng anh B không đồng ý.

b. Lãnh đạo cơ quan X yêu cầu nhân viên tổ chức nhiều kênh tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, góp ý, phê bình của nhân dân tại cơ quan.

c. Công an G hướng dẫn anh D một số biện pháp đảm bảo an toàn cho bản thân sau khi tiếp nhận thông tin tố cáo của anh.

d. Bà S cố tình cung cấp các thông tin sai sự thật khi tố cáo bà A vi phạm pháp luật.

4. Em hãy xử lí các tình huống sau:

- a. Ngoài giờ học, B (16 tuổi) đi làm thêm cho một quán cơm để kiếm thêm thu nhập mua sách vở. Quán cơm đông khách, nhiều lúc B làm không hết việc nên thường xuyên bị bà chủ mắng chửi, đánh đập.

Nếu là bạn của B, em sẽ khuyên B như thế nào?

- b. Nghi ngờ V lấy trộm điện thoại của con mình nên ông X (cán bộ xã) đã bắt V về trụ sở xã và liên tục có những lời lẽ mắng nhiếc, đe dọa V phải thừa nhận hành vi ăn trộm. Khi phát hiện sự việc chỉ là hiểu nhầm, ông X đã đưa cho V một số tiền và yêu cầu V giữ kín, không được kể lại chuyện này cho ai biết, nếu không sẽ gây khó dễ cho gia đình V.

Nếu là bạn của V, em sẽ làm gì khi biết sự việc này?

BÀI 16

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

- a) *Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc được quy định ở văn bản luật nào dưới đây?*

- A. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Luật Đất đai.
B. Hiến pháp và Luật An ninh quốc gia.
C. Luật Đất đai và Luật Các tổ chức tín dụng.
D. Luật Tổ tụng Hành chính.

- b) *Việc làm nào dưới đây là bảo vệ Tổ quốc?*

- A. Xây dựng, củng cố cơ sở hạ tầng của địa phương.
B. Phát triển kinh tế địa phương.
C. Tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa ở địa phương.
D. Thực hiện nghĩa vụ quân sự.

- c) *Nội dung nào dưới đây thể hiện hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc?*

- A. Ảnh hưởng tới các quan hệ xã hội. B. Gia tăng tỉ lệ tội phạm.
C. Gây bất bình đẳng về kinh tế. D. Gây chia rẽ đoàn kết dân tộc.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Chỉ nam giới mới có quyền tham gia nghĩa vụ quân sự.

.....

b. Tham gia bảo vệ trật tự, an ninh trường học và nơi cư trú là thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

.....

c. Trực tiếp cầm súng đánh giặc ngoại xâm là cách duy nhất để thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

.....

d. Bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ quyền và lợi ích của bản thân.

.....

3. Hành vi/ việc làm của chủ thể dưới đây thực hiện đúng hay vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc? Vì sao?

a. H khuyên bạn bè không nên xem một bộ phim nước ngoài vì có nhiều thông tin sai lệch về chủ quyền, lãnh thổ, đường lối quân sự của Việt Nam.

.....

b. N chỉnh sửa ảnh và đăng tải thông tin sai lệch về tình hình chính trị – xã hội đất nước lên mạng xã hội để tăng lượng tương tác.

.....

c. V từ chối khi được người quen gợi ý hỗ trợ để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.

.....

d. A khuyên một người bạn trong lớp không nên chia sẻ lại các thông tin tiêu cực, bất mãn với chính quyền lên mạng xã hội.

.....

.....

4. Em hãy liệt kê những việc học sinh lớp 11 nên làm và không nên làm để thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân theo bảng mẫu gợi ý sau:

Việc nên làm	Việc không nên làm
.....	
.....	
.....	
.....	

5. Em hãy xử lý các tình huống sau:

- a. Sau khi tốt nghiệp đại học, anh trai của H vừa nhận được thông báo tuyển dụng vào một công ty lớn thì có giấy gọi nhập ngũ. Một số người khuyên anh trai của H nên tìm cách để không trúng tuyển nghĩa vụ.

Nếu là H, em sẽ khuyên anh trai như thế nào?

.....

.....

.....

- b. Máy tính của A bị hỏng nên A mượn tạm máy tính của chú út để tìm kiếm một số tài liệu phục vụ học tập. Trong lúc dùng máy, A phát hiện chú đã tải và lưu giữ rất nhiều tài liệu có nội dung tuyên truyền chống phá Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nếu là A, em sẽ làm gì?

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 9

MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

BÀI 17

QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ VÀ QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA CÔNG DÂN

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) Không ai được tự ý bắt và giam, giữ người là nói đến quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền được đảm bảo an toàn trong cuộc sống.
- B. Quyền tự do cá nhân.
- C. Quyền được đảm bảo tính mạng.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

b) Hành vi nào dưới đây xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

- A. Chửi mắng người khác.
- B. Đe dọa giết người.
- C. Tự tiện bắt giữ người.
- D. Tung tin bịa đặt nhằm hạ uy tín của người khác.

c) Đặt điều nói xấu, vu cáo người khác là vi phạm quyền

- A. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.
- B. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- C. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.
- D. tự do ngôn luận.

d) C và D cãi nhau, C dùng lời lẽ xúc phạm D trước các bạn trong lớp. Hành vi của C đã xâm phạm

- A. quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe.
- B. quyền được pháp luật bảo vệ về uy tín cá nhân.
- C. quyền bất khả xâm phạm về bí mật đời tư.
- D. quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.

e) Đối với những người nào dưới đây thì ai cũng có quyền bắt người và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất?

- A. Người đang bị nghi là phạm tội.
- B. Người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.
- C. Người đang gây rối trật tự công cộng.
- D. Người đang chuẩn bị vi phạm pháp luật.

g) Nếu một ai đó tung tin bịa đặt để nói xấu mình với một số bạn trong lớp, em sẽ lựa chọn cách xử sự nào dưới đây mà em cho là đúng pháp luật?

- A. Nói xấu lại người đó nhiều hơn người đó đã nói xấu mình.
- B. Mắng người đó một trận cho hả giận.
- C. Không chơi với người đó nữa.
- D. Khuyên bảo người đó để không có hành vi như vậy nữa.

2. Em hãy kể một số hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.

.....

.....

.....

3. Em có nhận xét gì về các hành vi dưới đây?

a. H vì mâu thuẫn với Y nên đã tung tin Y ăn trộm tiền của mình.

.....

.....

.....

b. Trong lúc chơi game, P và X xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chửi nhau trên mạng. Hai bên thách đố, tìm gặp và đánh nhau. Kết quả là P đã đánh và gây thương tích cho X.

.....

.....

c. Anh S thuê nhà ở của ông Q. Do chậm trả tiền thuê nhà nên ông Q đã yêu cầu anh S ra khỏi nhà, nhưng anh S không đồng ý. Ông Q liền khoá trái cửa nhà và nhốt anh S lại.

.....

.....

- d. C lập một tài khoản facebook khác với tài khoản thường dùng để nhắn tin cho một số bạn trong lớp nói xấu về D.

.....

.....

4. Em sẽ làm gì khi ở vào các tình huống sau?

- a. Một bạn cùng lớp tung tin, nói xấu về em với một số bạn trong lớp.

.....

.....

- b. Khi đến trường, em luôn bị một nhóm bạn bắt nạt, đe dọa.

.....

.....

- c. Có bạn trong lớp rêu rao với các bạn khác là em hay vi phạm nội quy trường, lớp.

.....

.....

5. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các chủ thể trong những tình huống sau:

- a. Anh Th và anh Ph bắt được kẻ đang bị truy nã vì tội trộm cắp tài sản của nhà dân. Hai anh đang lúng túng không biết nên làm gì tiếp theo.

Trong trường hợp này, em sẽ khuyên hai anh xử sự như thế nào để phù hợp với pháp luật?

.....

.....

- b. Nếu chứng kiến một người bị người khác nói xấu, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, em sẽ khuyên cả hai người như thế nào?

.....

.....

BÀI 18

QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) *“Quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở nhằm bảo đảm cho công dân – con người có một cuộc sống tự do trong một xã hội dân chủ, văn minh” là một nội dung nói về ý nghĩa của quyền nào dưới đây?*

- A. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về danh dự của công dân.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về nhân phẩm của công dân.

b) *Những quy định về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân nhằm đảm bảo cho công dân có*

- A. cuộc sống hạnh phúc trong xã hội dân chủ, văn minh.
- B. cuộc sống đầy đủ trong xã hội dân chủ, văn minh.
- C. cuộc sống ấm no trong xã hội dân chủ, văn minh.
- D. cuộc sống tự do trong xã hội dân chủ, văn minh.

c) *Khám chỗ ở đúng pháp luật là khám trong trường hợp*

- A. do nghi ngờ có tội phạm.
- B. được lãnh đạo cơ quan cho phép.
- C. được pháp luật cho phép.
- D. cần tìm đồ vật bị mất.

d) *Ngoài những chủ thể có thẩm quyền được khám chỗ ở theo trình tự, thủ tục nhất định, pháp luật nước ta nghiêm cấm hành vi tự ý nào dưới đây?*

- A. Đến thăm nhà người khác.
- B. Vào chỗ ở của người khác.
- C. Coi nhà người khác như nhà mình.
- D. Đến nhà người khác chơi mà không báo trước.

e) *Hành vi nào dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?*

- A. Khám nhà khi có lệnh của cơ quan có thẩm quyền.
- B. Cưỡng chế giải toả nhà xây dựng trái phép.
- C. Tự ý vào chỗ ở của hàng xóm để tìm đồ vật bị mất.
- D. Vào nhà người khác để chữa cháy.

2. Em hãy nêu nội dung chính và ý nghĩa của quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

.....

.....

.....

3. Em hãy đọc các trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

- a. Chị G là chủ sở hữu căn nhà và đã được Ủy ban nhân dân quận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nhận thừa kế từ mẹ. Vì công việc nên chị G chuyển đến sinh sống ở một nơi khác và cho chú D (cậu của chị) sống trong ngôi nhà đó. Gần đây, chị G muốn trở lại sinh sống tại ngôi nhà nhưng chú D nhất định không chuyển đi và nhiều lần đe dọa, không cho chị G về đó sinh sống với lý do cậu là em của mẹ chị G nên có quyền được sống tại căn nhà đó.

1/ Lý do chú D đưa ra là đúng hay sai? Vì sao?

.....

.....

2/ Trong trường hợp này, chị G cần làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

.....

.....

- b. Chị Th và anh Q là vợ chồng, có sở hữu chung một ngôi nhà. Gần đây, do anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị Th và anh Q làm thủ tục li hôn. Trong thời gian chờ giải quyết của Tòa án, anh Q đã thay khoá cửa, không cho chị Th vào nhà.

1/ Việc làm của anh Q có trái pháp luật không? Vì sao?

.....

.....

2/ Chị Th phải làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

.....

.....

- c. Cả nhà đi vắng, P đang ở nhà học bài thì bỗng nhiên có một người lạ gõ cửa muốn vào nhà với lý do kiểm tra đường ống dẫn nước của toàn khu vực. P không muốn cho vào, nên không mở cửa.

Việc làm của P đúng hay sai? Vì sao?

.....

.....

- d. Chú H và chú K là bạn làm ăn với nhau từ lâu. Do quan hệ thân thiết nên chú P thường hay qua lại và ở nhà chú H trong thời gian dài. Gần đây, do không cùng quan điểm trong công việc nên giữa hai chú xảy ra mâu thuẫn. Chú H không muốn chú K ở nhà của mình nữa nhưng chú K tìm đủ mọi lý do để không chuyển đi.

1/ Hành vi của chú K có trái pháp luật không? Vì sao?

.....

.....

2/ Chú H phải làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

.....

.....

4. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể trong các tình huống dưới đây:

- a. Bà D đi chợ về nhưng bỏ quên túi xách ở đâu đó. Khi nhớ ra, bà đi tìm nhưng không thấy và nghi cho cháu H là hàng xóm lấy trộm vì H đang chơi ở sân cùng với các cháu của bà. Bà D đòi vào khám nhà H. Mặc dù H không đồng ý nhưng bà D vẫn xông vào và lục soát.

.....

.....

- b. G đến nhà Q mượn sách nhưng không có ai ở nhà. G đứng chờ đến khi Q về thì mới vào nhà bạn để mượn sách.

.....

.....

- c. Nghi ngờ anh S lấy trộm tiền của mình, ông X cùng con trai tự ý vào nhà anh S khám xét.

.....

.....

- d. Nghi ngờ tên ăn trộm xe đạp chạy vào một gia đình trong ngõ, hai người đàn ông chạy thẳng vào nhà khám xét mà không chờ chủ nhà đồng ý.

.....

.....

5. Em sẽ làm gì khi gặp những tình huống sau?

- a. Em thấy có nhiều khói bốc lên ở trong nhà hàng xóm trong khi không có ai ở nhà.

.....

.....

- b. Chú chó cưng của em chạy sang nhà hàng xóm và không biết đường về trong khi bên đó không có ai ở nhà.

.....

.....

- c. Em ở nhà một mình, đang học bài thì có người lạ gõ cửa và muốn vào nhà để kiểm tra máy lọc nước.

- d. Quần áo của gia đình hàng xóm phơi ngoài sân, trời sắp đổ mưa, gia đình không có ai ở nhà.

BÀI 19

QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM AN TOÀN, BÍ MẬT THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN TÍN CỦA CÔNG DÂN

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

- a) *“Những người làm nhiệm vụ chuyển thư, điện tín không được giao nhầm cho người khác, không được để mất thư, điện tín của nhân dân”* là nói tới nội dung nào dưới đây?
- A. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
 - B. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
 - C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
 - D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- b) *Theo quy định của pháp luật Việt Nam, thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được bảo đảm*
- A. có sự kiểm duyệt của bưu điện tỉnh.
 - B. có sự kiểm duyệt của cơ quan nhà nước.
 - C. an toàn và công khai.
 - D. an toàn và bí mật.
- c) *Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được thực hiện trong trường hợp nào dưới đây?*
- A. Có ý kiến của lãnh đạo cơ quan.
 - B. Có đơn thư tố cáo của nhân dân.
 - C. Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - D. Có nghi ngờ chứa thông tin không lành mạnh.

d) Trong lúc H ra ngoài thì điện thoại có tin nhắn, em gái của H đã tự ý mở điện thoại của H ra đọc. Hành vi này của em gái H đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
- B. Quyền tự do ngôn luận của công dân.
- C. Quyền tự do dân chủ của công dân.
- D. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân.

e) Khi nào thì được xem tin nhắn trên điện thoại của bạn thân?

- A. Bất cứ lúc nào.
- B. Khi cầm điện thoại hộ bạn.
- C. Khi bạn có tin nhắn quan trọng.
- D. Chỉ được xem nếu bạn đồng ý.

2. Em hãy nêu nội dung chính và ý nghĩa của quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

.....

.....

.....

.....

3. Em có nhận xét gì về các hành vi dưới đây?

a. Biết K và G yêu nhau, H đã tìm cách đọc trộm tin nhắn của K rồi kể cho một số bạn trong lớp nghe làm K rất bức mình.

.....

.....

b. P và T là hai chị em ruột. Vì muốn biết tình cảm của chị P và bạn trai của chị nên có lần T đã đọc trộm tin nhắn của chị P gửi bạn trai.

.....

.....

c. Y thấy một bức thư trong hộp thư nhà mình nhưng tên và địa chỉ của người nhận trên thư không phải của nhà Y mà là địa chỉ của một người ở cách nhà Y vài dãy nhà. Y liền tìm đến địa chỉ đó để trả bức thư cho đúng chủ nhân của nó.

.....

.....

d. M đang sử dụng máy tính thì có việc ra khỏi phòng, nhân lúc đó, L là bạn ở cùng với M đã tự ý đọc email của M.

.....

.....

- e. K vào văn phòng nhà trường lấy báo và thấy có lá thư gửi cho V (bạn cùng lớp). K nghĩ hai đứa là bạn thân nên đã mở thư của V ra đọc.

- g. Chú đưa thư đến nhà M gửi thư nhưng M đi vắng nhà. Thấy D nhà bên đang chơi ngoài sân, chú đã nhờ D chuyển giúp lá thư cho M khi M về. D đồng ý. Tuy nhiên, cầm lá thư của M trên tay, D tò mò nên đã bóc ra để đọc.

4. Em sẽ làm gì khi gặp những tình huống sau?

- a. Nhận được thư của người khác.

- b. Nhìn thấy bạn lấy trộm thư hoặc nghe trộm điện thoại của người khác.

- c. Bố, mẹ hoặc anh, chị xem thư của em mà không hỏi ý kiến của em.

- d. Em đang nói chuyện điện thoại thì phát hiện có người nghe trộm.

- e. Khi bố mẹ đi vắng, làm thế nào để không bị thất lạc thư gửi cho bố mẹ.

5. Cùng chia sẻ

- a. Em cảm nhận như thế nào khi ai đó đọc trộm tin nhắn, nhật kí hay thư của em?

- b. Giả sử em rất tò mò muốn biết bạn nghĩ gì về em và em cho là bạn đó sẽ viết trong nhật kí. Em biết chỗ bạn hay để nhật kí. Vậy em có quyết định đọc trộm nó không? Vì sao?

BÀI 20

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ TỰ DO NGÔN LUẬN, BÁO CHÍ VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

a) Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước là biểu hiện của quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền chính trị.
- B. Quyền văn hoá – xã hội.
- C. Quyền tự do ngôn luận.
- D. Quyền tự do hội họp.

b) Chủ thể nào dưới đây có quyền tự do ngôn luận?

- A. Người từ 18 tuổi trở lên.
- B. Cán bộ, công chức nhà nước.
- C. Nhà báo.
- D. Mọi công dân.

c) Công dân có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng cách nào?

- A. Tự do phát biểu ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì.
- B. Trực tiếp phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ở cơ quan, trường học, khu dân cư nơi mình cư trú.
- C. Biểu tình để phản đối những việc làm sai trái của chính quyền địa phương.
- D. Phê phán cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước trên mạng xã hội.

d) Trong dịp đại biểu Hội đồng nhân dân xã S tiếp xúc với cử tri, nhiều người dân trong xã đã kiến nghị với cử tri về hoạt động sản xuất kinh doanh của xã. Đây là biểu hiện quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền phát triển kinh tế.
- B. Quyền bày tỏ ý kiến.
- C. Quyền tự do ngôn luận.
- D. Quyền xây dựng chính quyền địa phương.

e) Học sinh có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng cách nào dưới đây?

- A. Phát biểu ý kiến xây dựng trường, lớp mình trong các cuộc họp.
- B. Chê bai trường mình ở nơi khác.
- C. Tự do nói bất cứ điều gì về trường mình.
- D. Đưa tin tức không hay về trường mình lên mạng xã hội.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

(Đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích)

Ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Phải có trình độ văn hoá mới sử dụng được quyền tự do ngôn luận.			
b. Cần tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.			
c. Sử dụng quyền tự do ngôn luận theo quy định của pháp luật sẽ làm hạn chế quyền tự do và quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.			
d. Người chưa đủ 18 tuổi chưa được phép thực hiện quyền tự do ngôn luận.			
e. Người dân có quyền được tiếp cận thông tin liên quan đến an ninh quốc gia.			

3. Em có nhận xét gì về những hành vi sau đây?

a. K luôn chủ động phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ở lớp, ở trường và ở địa phương.

.....
 KẾT NỐI TRI THỨC
 VỚI CUỘC SỐNG

b. X từ chối bày tỏ ý kiến dù luôn được bố mẹ, thầy cô giáo khuyến khích.

.....

c. N chủ động lên mạng tìm kiếm các thông tin cần thiết phục vụ cho học tập.

.....

d. Y liên hệ toà soạn báo B yêu cầu họ đính chính thông tin sai lệch về mình trên báo.

.....

4. Em hãy nêu những cách mà học sinh trung học phổ thông có thể sử dụng quyền tự do ngôn luận.

5. Hiện nay có một số người Việt Nam sống lưu vong ở nước ngoài thường xuyên viết bài, in ấn sách, báo để xuyên tạc về công cuộc đổi mới về chế độ xã hội chủ nghĩa nước ta. Theo em, những người này có vi phạm pháp luật Việt Nam về quyền tự do ngôn luận không? Vì sao?

6. Em hãy xử lý các tình huống sau:

- a. Mặc dù cùng trong nhóm học tập nhưng P và K hay mâu thuẫn với nhau do có quan điểm khác nhau trong cách giải quyết nhiệm vụ học tập chung của nhóm. P đã đăng tải một bài viết bịa đặt, nói xấu K trên mạng xã hội vì cho rằng mình có quyền tự do ngôn luận. K phát hiện và yêu cầu P xóa bài nhưng P không thực hiện.

Nếu là K, em sẽ làm gì?

- b. Lợi dụng tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp ở xã D, một số đối tượng đã đưa những thông tin sai lệch về tình hình dịch bệnh trên mạng xã hội, gây ra tâm lý hoang mang cho người dân trong xã và gây khó khăn cho công tác phòng chống dịch bệnh.

Nếu là người dân xã D, em sẽ làm gì?

BÀI 21

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn.

- a) *Quyền của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo được quy định ở văn bản luật nào dưới đây?*
- A. Hiến pháp năm 2013 và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.
 - B. Bộ luật Dân sự năm 2015 và Hiến pháp năm 2013.
 - C. Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.
 - D. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
- b) *Ý nào dưới đây thể hiện quyền của công dân về tự do tôn giáo?*
- A. Các thành viên trong gia đình có thể theo tôn giáo khác nhau nhưng không được bày tỏ niềm tin về tôn giáo mà mình theo.
 - B. Các thành viên trong gia đình phải theo cùng một tôn giáo.
 - C. Các con phải theo tôn giáo mà bố mẹ, ông bà đã theo.
 - D. Các thành viên trong gia đình có thể theo các tôn giáo khác nhau.
- c) *Công dân có quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo và phải có nghĩa vụ nào dưới đây?*
- A. Thực hiện một số hành vi pháp luật cấm trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
 - B. Tuân thủ các quy định của Hiến pháp và các quy định pháp luật khác có liên quan tới hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
 - C. Tuân thủ các điều lệ của tổ chức tôn giáo nhưng không chấp hành quy định của pháp luật khi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
 - D. Tố cáo sai sự thật các chủ thể thực hiện các hoạt động tôn giáo để phá hoại tổ chức tôn giáo mà mình không thích.
- d) *Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo?*
- A. Tích cực, chủ động thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
 - B. Tuyên truyền không đúng về quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân.
 - C. Đồng tình, ủng hộ các hành vi vi phạm pháp luật về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
 - D. Từ chối tham gia các hoạt động tuyên truyền các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.

2. Em có nhận xét gì về các hành vi sau đây?

- a. H chủ động tìm hiểu thông tin trước khi tham dự lễ hội tín ngưỡng ở địa phương khác để hiểu hơn về ý nghĩa của tín ngưỡng đó.

.....

.....

- b. N không chơi với bạn A trong lớp vì A là người theo tôn giáo.

.....

.....

- c. Mặc dù không theo tôn giáo nào nhưng V luôn thể hiện thái độ tôn trọng đối với các lễ nghi, quy tắc của các tôn giáo.

.....

.....

- d. O kiên quyết ngăn cản em gái mình tham gia một tôn giáo lạ, có nhiều tin đồn tiêu cực.

.....

.....

3. Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi:

- a. Xã B là một xã miền núi, phần lớn dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống rất khó khăn. Gần đây, trên địa bàn xã xuất hiện một số người lạ mặt đến truyền đạo. Họ lén lút tiếp cận các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tặng quà và tiền, sau đó tuyên truyền, vận động những gia đình này đi theo đạo mới để được thoát nghèo. Tin lời nhóm người này, ông Q đã đồng ý gia nhập tôn giáo, dỡ bỏ bàn thờ tổ tiên, bỏ bê công việc nương rẫy để nghe giảng đạo và ép buộc vợ con cũng phải thực hiện giống mình.

Theo em, hành vi của các chủ thể trong tình huống trên có vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo không? Vì sao?

.....

.....

- b. Gia đình anh H theo tôn giáo X từ lâu đời nên khi biết tin anh muốn cưới chị O (người theo tôn giáo G), một số người thân của anh đã tỏ thái độ không hài lòng. Họ nhiều lần chê bai, có những lời lẽ không hay khi nhận xét về những người theo tôn giáo G và khuyên anh H nên bỏ chị O để lấy người khác. Bố anh cũng ra điều kiện chỉ cho phép anh và chị O cưới nhau nếu chị O từ bỏ tôn giáo G để theo tôn giáo X giống gia đình mình.

Em hãy cho biết, trong tình huống trên, những hành vi nào vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Vì sao?

.....

.....

4. Em sẽ làm gì khi ở trong các tình huống sau?

- a. Khi bạn thân lôi kéo em tham gia một tôn giáo lạ, mới du nhập vào địa phương em.

.....

.....

- b. Bố mẹ không cho phép chị gái của em tham gia các lễ hội tín ngưỡng ở địa phương vì sợ ảnh hưởng tới việc học tập.

.....

.....

- c. Bác hàng xóm tới thuyết phục bố mẹ em bỏ việc làm ruộng vất vả để đi theo tôn giáo lạ, truyền tà đạo sẽ được nhận số tiền lớn.

.....

.....

- d. Một số bạn trong lớp em từ chối tham gia hoạt động tuyên truyền các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo do địa phương tổ chức.

.....

.....

5. Em hãy sưu tầm một số quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo theo gợi ý dưới đây:

STT	Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo		
	Quyền	Nghĩa vụ	Hậu quả pháp lí khi vi phạm

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ LÀM BÀI TẬP

Phần một: GIÁO DỤC KINH TẾ

CHỦ ĐỀ 1 CẠNH TRANH, CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

BÀI 1: CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Đáp án: a – A; b – A; c – D; d – C; e – C.
2. Gọi ý:
 - a. Không tán thành, vì cạnh tranh không chỉ diễn ra giữa những người sản xuất kinh doanh với nhau mà còn có thể diễn ra giữa những người tiêu dùng.
 - b. Không tán thành, vì cạnh tranh lành mạnh cần tôn trọng đối thủ, tìm cách vượt qua đối thủ, không phải là tìm cách làm cho đối thủ suy yếu.
 - c. Tán thành, vì các nhân viên trong một cơ sở kinh doanh cần tăng cường hợp tác với nhau để tạo ra sức mạnh nhưng cũng cần có cơ chế cạnh tranh với nhau một cách lành mạnh để tạo động lực phát triển.
 - d. Không tán thành, vì cạnh tranh không chỉ diễn ra trong trao đổi, mua bán hàng hoá mà còn có thể diễn ra trong sản xuất.
4. Gọi ý:
 - a. Đây là hành vi cạnh tranh không lành mạnh, lấy thương hiệu của người khác thành của mình để thu lợi, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của đối thủ cạnh tranh là cơ sở thương hiệu V. Trường hợp sản phẩm của bà S kém hơn chất lượng sản phẩm thương hiệu V làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng đồng thời làm mất uy tín, lòng tin của khách hàng đối với thương hiệu V,...
 - b. Đây là việc làm cần thiết, muốn cạnh tranh với những tập đoàn phân phối lớn trên thế giới, các doanh nghiệp phân phối hàng hoá trong nước cần liên kết lại với nhau để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- c. Đây là việc làm cần thiết, bà B đã ý thức được sự cần thiết phải cạnh tranh, nghiên cứu đối thủ và tìm cách tạo ra ưu thế so với đối thủ với phong cách bán hàng và các sản phẩm phong phú tươi ngon hơn.
- d. Đây là việc làm cần thiết, trong kinh doanh các cơ sở sản xuất vẫn cạnh tranh với nhau trên nhiều phương diện: thu hút lao động giỏi, tìm đối tác bán sản phẩm, tìm đối tác cung ứng nguồn nguyên vật liệu,... nhưng liên kết với nhau để quảng bá thương hiệu làng nghề là cùng giúp nhau cạnh tranh với các đối thủ khác ở bên ngoài làng nghề để cùng tồn tại và phát triển.

5. Gợi ý:

- a. Khi tham gia thị trường, chị H phải quan tâm đến đối thủ cạnh tranh của mình là những cửa hàng cùng kinh doanh quần áo trẻ em, phân tích những sản phẩm họ đang bán (giá cả thế nào, khách hàng của họ là những ai?) để từ đó lên kế hoạch kinh doanh của mình cho phù hợp.
- b. Là một doanh nghiệp nhỏ, Công ty A phải tìm cách để có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn. Việc tập trung vào một sản phẩm mình có thế mạnh, nhiều người tiêu dùng quan tâm là cách làm đúng, phù hợp với điều kiện kinh doanh cụ thể để tồn tại và phát triển.

BÀI 2: CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Đáp án:

a – A; b – B; c – B; d – A.

2. Gợi ý:

- a. Không đồng tình, vì nhu cầu của người dân thì rất nhiều nhưng chỉ những nhu cầu có khả năng thanh toán mới được coi là cầu.
- b. Không đồng tình, vì có những sản phẩm được sản xuất nhưng không mang ra bán trên thị trường mà chỉ để người sản xuất ra nó tiêu dùng thì không được tính vào cung.
- c. Đồng tình, vì khi giá điện tăng, việc tiêu dùng các sản phẩm sử dụng điện sẽ tốn thêm chi phí nhiên liệu khiến người tiêu dùng cân nhắc, có thể chuyển sang sử dụng các sản phẩm khác không sử dụng điện có mức chi phí nhiên liệu thấp hơn.
- d. Đồng tình, vì khi thu nhập tăng, những người được tăng lương sẽ có cơ hội được mua sắm nhiều hơn khiến cầu tăng lên.

3. Gợi ý:

- a. Trong trường hợp này, lượng cung các sản phẩm nông nghiệp giảm, giá lương thực thực phẩm tăng cao do cung không đủ cầu.

- b. Trong trường hợp này, giá các yếu tố đầu vào tăng khiến chi phí sản xuất tăng làm cho lượng cung giảm gây mất cân đối cung không đủ cầu.
- c. Thu nhập gia tăng khiến tiêu dùng của nhân dân tăng, làm cho cầu về hàng hoá dịch vụ tăng theo.
- d. Cầu về hàng hoá chất lượng cao sẽ tăng, giá sản phẩm này tăng, cung sẽ tăng theo. Đối với hàng hoá chất lượng thấp, cầu giảm, giá giảm và cung cũng giảm theo.

4. Gợi ý:

- a. Đây là tín hiệu cung lớn hơn cầu sẽ tác động đến các nhà sản xuất cần cân nhắc không nên tiếp tục mở rộng sản xuất mặt hàng này, có phương án để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao để cạnh tranh,... Đối với người tiêu dùng, sẽ có xu hướng tăng cường mua cam, bưởi vì giá rẻ và là những loại quả ngon, tốt cho sức khỏe.
- b. Đây là tín hiệu cầu về vải thiều tăng cao (sản phẩm được bán nhiều ở thị trường nước ngoài) sẽ thúc đẩy các nhà sản xuất quan tâm đến tăng quy mô, chất lượng sản phẩm. Với người tiêu dùng trong nước, giá vải thiều tăng cao so với trước nên có thể giảm bớt nhu cầu ăn vải thiều, chuyển sang tiêu dùng những trái cây khác có giá ổn định hơn.
- c. Trường hợp này, cung về hoa sẽ tăng lên, cung về rau sẽ giảm trong khi cầu về rau không giảm thậm chí còn có thể tăng nên dự báo giá rau trên thị trường sẽ tăng. Vì vậy, một số người đang trồng rau nếu nhận ra điều này sẽ không chuyển sang trồng hoa.

5. Gợi ý:

- a. Có thể đồng tình với quyết định của chị N chuyển từ nuôi cá sang nuôi ba ba giống các gia đình khác để thu được lợi nhuận nhiều hơn nếu cung nhỏ hơn cầu trên thị trường nơi chị N đang sinh sống. Hoặc có thể phản đối vì nếu nhiều gia đình cùng chuyển sang nuôi ba ba trong khi đầu ra chỉ để bán cho một số nhà hàng đặc sản ngoài phố có cầu về ba ba không nhiều, có thể dẫn đến cung lớn hơn cầu, sẽ không bán được sản phẩm trong khi việc nuôi cá đang ổn định thì nên tiếp tục nuôi cá.
- b. Khuyến mại là hoạt động xúc tiến thương mại, doanh nghiệp sử dụng các hoạt động khuyến mại nhằm trực tiếp tăng sức mua hàng, kích cầu tiêu dùng, từ đó tăng doanh thu và giảm hàng tồn kho. Vì vậy, là người tiêu dùng, M có thể tận dụng cơ hội này để mua được hàng giảm giá so với ngày thường. Tuy nhiên, cần cân nhắc chỉ mua những thứ thực sự cần thiết, chú ý đến chất lượng sản phẩm. Tránh vì thấy rẻ mà mua nhiều nhưng không dùng đến thì rất lãng phí, hoặc mua hàng rẻ nhưng lỗi mốt hoặc sắp hết hạn sử dụng,...

CHỦ ĐỀ 2

LẠM PHÁT, THẤT NGHIỆP

BÀI 3: LẠM PHÁT

1. Đáp án: a – B; b – B; c – C; d – C.

2. Gợi ý:

- a. Không tán thành, vì lạm phát là hiện tượng kinh tế diễn ra thường xuyên, do có nhiều nhân tố dẫn đến lạm phát.
- b. Tán thành, vì khi lạm phát tăng cao, Chính phủ giảm mức cung tiền sẽ làm cho lượng tiền trong lưu thông giảm khiến lãi suất huy động sẽ tăng, lượng cầu mua sắm hàng hoá giảm, giá cả hàng hoá trên thị trường sẽ giảm góp phần kiềm chế lạm phát.
- c. Không tán thành, vì khi lạm phát tăng cao khiến đồng tiền nội tệ mất giá, nếu ngân hàng giảm lãi suất tiền gửi thì lượng tiền gửi vào ngân hàng giảm sút sẽ làm tăng nhu cầu mua sắm làm cho giá cả hàng hoá tăng thêm, lạm phát có thể tăng cao hơn.
- d. Không tán thành, vì lạm phát là hiện tượng phổ biến đối với mọi quốc gia đang vận hành theo cơ chế thị trường trong đó có cả các nước có nền kinh tế phát triển.

3. Gợi ý:

- a. Chính phủ miễn giảm thuế thu nhập cá nhân dẫn đến người dân có nhiều tiền hơn để chi tiêu, khiến tổng cầu tăng lên. Nếu nền kinh tế đang suy thoái thì đây là chính sách tác động tích cực giúp nền kinh tế phát triển. Nếu nền kinh tế đang lạm phát thì chính sách này có thể làm cho lạm phát gia tăng.
- b. Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng làm gia tăng tổng cầu, nếu tổng cung không thay đổi thì sẽ dẫn đến mất cân đối cung – cầu, giá cả hàng hoá tăng làm cho lạm phát tăng thêm.
- c. Chính phủ giảm mức cung tiền khiến cho mức lãi suất chung có thể tăng. Điều này có thể dẫn đến giảm đầu tư cho sản xuất kinh doanh, giảm tiêu dùng, do đó giá cả hàng hoá có xu hướng giảm, góp phần làm giảm lạm phát.

4. Gợi ý:

- a. Hoạt động xuất khẩu tăng mạnh có thể gây ra lạm phát vì xuất khẩu tăng làm tăng thêm nhu cầu hàng hoá trên thị trường, nếu tổng cung không tăng sẽ khiến cho mất cân đối cung – cầu làm cho giá cả hàng hoá tăng gây lạm phát.
- b. Các doanh nghiệp sử dụng nhiều nguyên, nhiên liệu nhập khẩu trong khi giá của chúng đang tăng cao có thể gây ra lạm phát vì giá của những yếu tố đầu

vào này tăng làm cho chi phí sản xuất tăng, khiến cho giá cả các hàng hoá tăng theo, gây nên lạm phát.

- c. Xăng là yếu tố đầu vào quan trọng của sản xuất nên khi giá xăng tăng cao làm cho chi phí sản xuất tăng khiến giá cả các hàng hoá tăng gây lạm phát.

5. Gợi ý:

- a. Khi lạm phát đang tăng cao, cần có biện pháp giảm bớt tổng cầu, trong đó có việc các địa phương xem xét tạm dừng triển khai các dự án đầu tư chưa thực sự cần thiết, mới bắt đầu thực hiện. Vì vậy, đây là việc làm không phù hợp.
- b. Khi lạm phát tăng cao, đồng tiền mất giá, Doanh nghiệp X tăng lương cho nhân viên là hợp lí, góp phần giảm bớt khó khăn cho người lao động.
- c. Đây là việc làm đầu cơ trục lợi ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của người tiêu dùng, gây mất cân đối cung – cầu về xăng dầu trên thị trường, có thể là nguyên nhân làm cho lạm phát tiếp tục tăng cao.
- d. Đây là hành vi không phù hợp vì khi lạm phát tăng cao, tiền mất giá, bán vàng để lấy tiền gửi tiết kiệm sẽ làm giảm bớt giá trị tài sản.

BÀI 4: THẤT NGHIỆP

1. Đáp án:

a – B; b – C; c – D; d – C.

2. Đáp án:

- a. Người không đi làm để tập trung giải quyết việc gia đình vẫn được coi là thất nghiệp. Do họ tự nguyện không đi làm nên đây là trường hợp thất nghiệp tự nguyện.
- b. Đây là trường hợp thất nghiệp cơ cấu.
- c. Đây là trường hợp thất nghiệp tạm thời.

3. Gợi ý:

- a. Bạn C không nên đưa ra quyết định như vậy mà phải căn cứ vào năng lực và sở thích của bản thân, nghiên cứu thị trường lao động để thi vào trường đại học phù hợp với khả năng và xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động để nhanh chóng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.
- b. Việc làm của hội khuyến học xã T là một kênh thông tin quan trọng để giải quyết việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp cho học sinh, sinh viên tại địa phương.
- c. Ông H đã chủ động liên kết với công ty mây tre đan xuất khẩu của tỉnh và chính quyền địa phương để tạo việc làm, giải quyết thất nghiệp thời vụ cho người dân. Đây là một việc làm tốt cần được nhân rộng.

4. Gợi ý:

- a. Việc xã A sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức hai khoá dạy nghề mây tre đan xuất khẩu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương nhưng sau đó, các học viên này vẫn không có việc làm vì không có bất cứ một dự án sản xuất mây tre đan nào được tổ chức tại địa phương do xã A đã tổ chức dạy nghề không căn cứ vào nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp ở địa phương gây ra sự lãng phí cho ngân sách nhà nước và thời gian của nhân dân, cần kiểm điểm và quy trách nhiệm cho những cá nhân làm sai.
- b. Đây là nhận thức sai lầm của một số người dân, chúng ta cần phải tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của họ.

5. Gợi ý:

- a. Anh K nên tìm thông tin về thị trường lao động và xu hướng phát triển của thị trường lao động để tìm được việc làm theo đúng chuyên môn và sở thích của mình.
- b. Xuất khẩu lao động cũng là một trong những giải pháp để tạo việc làm, giải quyết thất nghiệp. Do vậy, muốn đi xuất khẩu lao động, chị Đ nên tìm hiểu kỹ về thủ tục, hồ sơ xuất khẩu lao động qua các nguồn thông tin chính thống như Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, các cơ sở tuyển dụng lao động xuất khẩu được Nhà nước cấp phép,... bàn bạc với bố mẹ để có phương án giải quyết tốt nhất.

CHỦ ĐỀ 3

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

BÀI 5: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

1. Đáp án:

a – C; b – B; c – A; d – D.

2. Gợi ý:

- a. Cung về lao động tăng không đều giữa các ngành nghề sẽ khiến mất cân đối cung – cầu về lao động, thừa nhân lực ở ngành nghề này nhưng thiếu nhân lực ở ngành nghề khác, gây áp lực lớn hơn lên thị trường việc làm. Nếu điều tiết không tốt thị trường lao động thì sẽ dẫn đến sự mất cân đối tương tự ở thị trường việc làm.
- b. Có nhiều nhà máy, xí nghiệp được xây dựng sẽ khiến cầu về lao động ở khu vực đó tăng cục bộ, thị trường việc làm sôi động hơn với những hoạt động tuyển dụng, giao dịch việc làm đáp ứng nhu cầu lao động cho các nhà máy, xí nghiệp.

- c. Khi Nhà nước quy định tăng mức lương cơ bản cho người lao động thì mức cung về lao động sẽ tăng lên, mức cầu về lao động sẽ giảm đi, vì người lao động có thể yên tâm về mức thu nhập tối thiểu để bảo đảm mức sống của bản thân và gia đình, còn người sử dụng lao động sẽ phải chi nhiều hơn để bảo đảm mức lương phải trả cho người lao động.
- d. Khi Nhà nước có chủ trương chuyển từ kinh tế truyền thống sang kinh tế số thì cầu về lao động trí tuệ, lao động chất lượng cao ngày càng tăng, lao động giản đơn giảm đi, dẫn tới một số lao động không đáp ứng được nhu cầu sẽ rơi vào tình trạng thất nghiệp hoặc thiếu việc làm, gây mất cân đối trên thị trường lao động và việc làm.

3. Gợi ý:

- a. Đúng, vì thông qua các phiên giao dịch việc làm, mọi thông tin về số lượng, chất lượng lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động đều được biểu hiện.
- b. Sai, vì bất cứ thị trường nào cũng chịu sự quản lí, tác động của Nhà nước ở các cấp độ khác nhau.
- c. Đúng, vì thị trường việc làm giúp người lao động và người sử dụng lao động gặp nhau, giúp cho thị trường lao động đạt đến trạng thái cân bằng cung – cầu lao động.
- d. Đúng, vì quá trình sản xuất là sự kết hợp giữa các yếu tố: tư liệu sản xuất và người lao động. Không có lao động, sản xuất không thể diễn ra.

4. Gợi ý:

- a. Anh T nên hiểu liên tục thay đổi chỗ làm không phải là cách để chọn được nơi làm việc tốt nhất vì văn hoá doanh nghiệp ở mỗi nơi khác nhau. Bởi vậy, muốn tìm được một việc làm tốt, anh T cần tìm hiểu kĩ điều kiện làm việc, văn hoá doanh nghiệp, mong muốn và sở trường của bản thân để tìm được nơi làm việc tốt nhất.
- b. Quan niệm thi vào trường đại học kinh tế để sau này tìm được việc làm có thu nhập cao là quan niệm sai lầm vì mức lương cao hay thấp được xác định trong mối quan hệ cung – cầu trên thị trường lao động ở từng thời kì nhất định.
- c. Quá trình rèn luyện kĩ năng và kinh nghiệm trong thực tiễn để tìm được việc làm trong tương lai là rất quan trọng. Bởi vậy, việc làm của bạn D là cần thiết.

5. Gợi ý:

- a. Bạn B nên thẳng thắn trao đổi mơ ước và đam mê của mình với bố mẹ, học tập chăm chỉ, kiên trì theo đuổi mục tiêu để chứng minh cho bố mẹ thấy lựa chọn của mình là đúng và phù hợp với khả năng, nguyện vọng của bản thân.
- b. Anh H nên rèn luyện các kĩ năng như: kĩ năng thuyết trình, giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin,...

- c. Với mơ ước trở thành công dân toàn cầu để có thể làm việc ở bất cứ nơi đâu, bạn A chỉ tập trung vào học ngoại ngữ thì chưa đủ. Vì để trở thành công dân toàn cầu cần nhiều kĩ năng và các kiến thức khác nên A cần trau dồi toàn diện các kiến thức, kĩ năng.

CHỦ ĐỀ 4

Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

BÀI 6: Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

1. Đáp án: a – C; b – D; c – C; d – D; e – C.

2. Gợi ý:

- a. Đồng tình, vì ý tưởng kinh doanh bắt nguồn từ nhu cầu của thị trường đang cần được đáp ứng sẽ có nhiều cơ hội bán được hàng, kinh doanh sẽ thành công.
- b. Đồng tình, vì mục tiêu của kinh doanh là phải mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp nên ý tưởng kinh doanh tốt phải đảm bảo tiêu chí mang lại lợi nhuận và những giá trị khác như: thương hiệu, uy tín cho doanh nghiệp.
- c. Không đồng tình, vì cơ hội kinh doanh không chỉ do điều kiện, hoàn cảnh khách quan mang đến mà nhiều khi còn do chính bản thân chủ thể kinh doanh tự tạo ra như: cải tiến kĩ thuật, phương thức quản lí, thiết kế được một mẫu sản phẩm mới,... cũng tạo ra cơ hội kinh doanh.
- d. Không đồng tình, vì cơ hội kinh doanh tốt đòi hỏi phải được xem xét theo 4 tiêu chí, không chỉ có tiêu chí thuận lợi mà còn phải xem xét những khó khăn, thách thức, thời điểm để đảm bảo cho việc kinh doanh thành công thì mới tiến hành thực hiện.

3. Gợi ý:

- a. Đây là việc làm cần thiết giúp Công ty A có những thông tin kịp thời, chính xác từ phía khách hàng để từ đó có chiến lược, biện pháp đáp ứng nhu cầu khách hàng, thu hút được nhiều khách hàng, sẽ bán được nhiều sản phẩm hơn, thu được lợi nhuận cao hơn.
- b. Đây là việc làm cần thiết để ông chủ quán phở Y học hỏi được đối thủ cạnh tranh, từ đó tìm ra những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, tối ưu hơn để phục vụ khách hàng, kinh doanh phát triển hơn.

- c. Đây là việc làm không phù hợp, vì kinh doanh cần làm ra sản phẩm để đáp ứng nhu cầu, sở thích của khách hàng. Nếu sở thích cá nhân của người bán không có nhiều khách hàng ưa thích thì việc kinh doanh có thể bị thất bại.

4. Gợi ý:

- a. Anh K đã xây dựng ý tưởng kinh doanh khá rõ ràng: xác định mặt hàng kinh doanh là cà phê, đối tượng khách hàng là sinh viên, từ đó xác định phương thức kinh doanh: chọn địa điểm gần trường đại học, trang trí quán theo phong cách phù hợp với sở thích của sinh viên, kết hợp bán trực tiếp với bán trực tuyến,... Việc làm này giúp cho anh K xác định được các vấn đề cơ bản của hoạt động kinh doanh của mình, đảm bảo việc kinh doanh sẽ thành công.
- b. Bác T xác định ý tưởng kinh doanh quán cơm xuất phát từ cơ hội bên ngoài mang đến: nhà bác chuyển đến khu phố có nhiều thực khách ăn cơm bình dân. Nhưng bác coi đó là cơ hội tốt và bắt tay vào thực hiện kinh doanh giống như các đối thủ cạnh tranh là chưa đúng mà cần phải đánh giá đây có phải là cơ hội tốt đối với mình không, phải xem xét những điều thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức so với đối thủ của mình để đưa ra quyết định kinh doanh. Việc vội vã đưa ra quyết định kinh doanh này có thể khiến việc kinh doanh của bác gặp khó khăn, không cạnh tranh được với các quán cơm đang hoạt động.

CHỦ ĐỀ 5

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

BÀI 7: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

1. Đáp án: a – B; b – D; c – A.

2. Gợi ý:

- a. Không đồng tình, vì đạo đức kinh doanh không chỉ đề cập đến các chủ cơ sở kinh doanh mà còn cả với những người lao động tham gia trong cơ sở kinh doanh đó.
- b. Đồng tình, vì đạo đức kinh doanh thể hiện sự trung thực, trách nhiệm, tôn trọng khách hàng, tôn trọng đối thủ cạnh tranh nên góp phần tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh.
- c. Đồng tình, vì đạo đức kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp phải kinh doanh có uy tín, tôn trọng quyền lợi của nhân viên và khách hàng, đồng thời dựa trên những biểu hiện của đạo đức kinh doanh để đánh giá hành vi của các nhân viên nên các nhân viên phải cam kết thực hiện đúng các chuẩn mực hành vi

đạo đức kinh doanh đồng thời khiến cho họ tin tưởng, tự hào được phục vụ cho một đơn vị kinh doanh có đạo đức nên sẽ tận tâm với doanh nghiệp.

- d. Không đồng tình, vì có khi vì thực hiện đạo đức kinh doanh, doanh nghiệp có thể phải chi phí nhiều hơn, từ đó có thể làm giảm lợi nhuận nhưng khi kinh doanh có đạo đức, được khách hàng, các nhân viên tin nhiệm thì doanh nghiệp lại bán được hàng nhiều hơn, hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn, doanh nghiệp sẽ thu được nhiều lợi nhuận hơn.

3. Gợi ý:

- a. Đây là việc làm thể hiện đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp trong việc luôn quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người lao động, chấp hành quy định của pháp luật trong việc sử dụng lao động, từ đó sẽ tạo được sự tin tưởng, tận tâm, gắn bó với doanh nghiệp của người lao động, tạo được uy tín của doanh nghiệp đối với xã hội,...
- b. Đây là việc làm thể hiện đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp trong việc quan tâm đến lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, đảm bảo an toàn thực phẩm, nhờ đó doanh nghiệp tạo được uy tín, sự tin tưởng của người tiêu dùng đối với sản phẩm của doanh nghiệp, sẽ bán được nhiều hàng, thu được nhiều lợi nhuận, từ đó không ngừng phát triển bền vững.
- c. Đây là việc làm thể hiện đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường, tuân thủ quy định của pháp luật nhờ đó khẳng định trách nhiệm đối với xã hội, kinh doanh bền vững.
- d. Việc làm của công ty thể hiện đạo đức kinh doanh thông qua việc tuân thủ quy định của pháp luật trong kinh doanh đồng thời thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhân viên sẽ tạo được sự gắn bó của nhân viên với doanh nghiệp và đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

4. Gợi ý:

- a. Đây là hành vi làm giả, làm nhái tạo ra hàng kém chất lượng vi phạm đạo đức kinh doanh. Hành vi này vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến lợi ích, sức khỏe của người tiêu dùng, chủ thể kinh doanh sẽ mất uy tín, bị xử lý theo quy định của pháp luật, có thể dẫn đến phá sản, gây tâm lý hoài nghi về chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam,...
- b. Đây là hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh: không trung thực, trách nhiệm với công ty. Vì lợi ích cá nhân mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Hành vi này có thể bị cơ quan pháp luật xử lý, nếu doanh nghiệp phát hiện có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, đuổi việc,...
- c. Đây là hành vi thực hiện tốt đạo đức kinh doanh, vì sức khỏe của người tiêu dùng, không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng để làm ra sản phẩm kém chất lượng bán trên thị trường.

CHỦ ĐỀ 6

VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

BÀI 8: VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

1. Đáp án: a – A; b – D; c – B; d – C.

2. Gợi ý:

- Đồng tình, vì tiêu dùng là đơn đặt hàng của xã hội đối với sản xuất về số lượng, chất lượng, cơ cấu, chủng loại. Do đó, tiêu dùng sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển.
- Không đồng tình, vì giá trị của mỗi con người không thể hiện ở trang phục hay các sản phẩm đắt tiền người đó tiêu dùng mà thể hiện ở những yếu tố bên trong.
- Đồng tình, vì văn hoá tiêu dùng có tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Văn hoá tiêu dùng trước tiên xuất phát từ phía khách hàng, doanh nghiệp muốn bán được sản phẩm thì phải tìm hiểu để đáp ứng tốt nhất nhu cầu này.
- Đồng tình, vì người tiêu dùng thông minh là người luôn chủ động lập kế hoạch chi tiêu, tiếp cận thông tin sản phẩm trên thị trường để chọn được sản phẩm hợp lý, tốt cho sức khỏe, phù hợp nhất với điều kiện của mình.
- Đồng tình, vì muốn thay đổi hành vi cần phải thay đổi nhận thức, từ đó tác động đến hành vi tiêu dùng, góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng.

3. Gợi ý:

- Đây là quan điểm đúng, vì ăn, mặc là hai nhu cầu thiết yếu của mỗi con người. “Ăn lấy chắc” ý chỉ ăn cho no, có thể là không nhiều món ăn nhưng miễn sao là đáp ứng đủ no bụng để làm việc là được. Còn “mặc lấy bền” tức là yêu cầu đối với mặc chỉ cần chất lượng mặc sao cho bền, được lâu và ấm là đủ, không cần cầu kì về kiểu dáng, màu sắc,... mà vẫn đảm bảo sức khỏe.
- Đây là quan điểm không đúng, nói về tâm lí ganh đua không chịu thua kém người khác. Tiêu dùng theo xu hướng như vậy gây lãng phí, nhiều khi không phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của bản thân, ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của cá nhân và cộng đồng.
- Đây là quan điểm không đúng, vì yếu tố vùng miền có ảnh hưởng rất lớn đến văn hoá tiêu dùng. Ví dụ: Người dân miền Nam thường mua hoa mai và bánh tét để trưng trong ngày Tết, còn người miền Bắc thường mua hoa đào và bánh chưng,...
- Đây là quan điểm đúng, vì sự thay đổi tích cực của tiêu dùng sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội.

4. Gợi ý:

- a. Bạn N cần hiểu rằng “hàng hiệu” thường có giá rất cao. Việc thường xuyên mua sắm hàng hiệu cần phải chi phí rất nhiều, gây lãng phí tiền bạc. Bởi vậy, cần tiêu dùng có chọn lọc, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện và môi trường sống.
- b. Hành vi của bạn T khi đi ăn tự chọn rất hợp lí vì vừa đạt được mục đích vừa tránh mất thời gian lựa chọn thực đơn và không lãng phí thức ăn.
- c. Việc làm của chính quyền tỉnh H rất tốt vì vừa tạo được việc làm cho người dân trong khu vực vừa xây dựng được thương hiệu của những sản phẩm quê hương. Tuy nhiên, việc thực hiện không dễ dàng, do vậy chính quyền cần xây dựng kế hoạch với sự tư vấn của người có chuyên môn và sự tham gia đóng góp của toàn dân.
- d. Để xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp không chỉ cần quan tâm đến chính sách sản phẩm mà cần phải quan tâm đến rất nhiều chính sách khác như: chính sách bán hàng, chính sách thu hút đầu tư,... Vì vậy, khi xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, Công ty Y chỉ quan tâm đến chính sách sản phẩm là chưa đủ.

Phần hai: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

CHỦ ĐỀ 7 QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

BÀI 9: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

1. Đáp án: a – A; b – C; c – D; d – A; e – C.

2. Gợi ý:

- a. Sai, vì theo quy định của pháp luật, một số quyền mà công dân chỉ được thực hiện khi đạt độ tuổi nhất định. Ví dụ, công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (Điều 27 Hiến pháp năm 2013).
- b. Sai, vì theo quy định của pháp luật, có các quyền mà công dân được hưởng và nghĩa vụ công dân phải thực hiện khi đạt độ tuổi nhất định. Ví dụ: Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân (Điều 29 Hiến pháp năm 2013); Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên; công dân

nữ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này đủ 18 tuổi trở lên thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự (Điều 12 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015).

- c. Đúng, vì theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật được hiểu là công dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, nghề nghiệp,... trước pháp luật đều được đối xử ngang bằng nhau, có cơ hội như nhau, không ai bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ công dân và phải chịu trách nhiệm pháp lí khi vi phạm pháp luật.
- d. Sai, vì theo quy định của pháp luật, từng ngành luật quy định khác nhau về độ tuổi chịu trách nhiệm pháp lí. Ví dụ, pháp luật hình sự quy định người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm (khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); Hay pháp luật dân sự quy định người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phục vụ cuộc sống hằng ngày và phải chịu trách nhiệm về hành vi sai phạm của mình (khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015);...

3. Gợi ý:

- a. Việc làm của cán bộ xã T là sai, vì pháp luật Việt Nam quy định: Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân, không phân biệt nam nữ, học vấn, giàu nghèo,... Để bảo vệ quyền của mình, anh M cần khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết.
- b. Việc làm của anh V và những người đã dạy nghề cho anh V là đúng, vì mọi công dân đều có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật (quyền bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế) và có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Trong nền kinh tế thị trường, mọi người buộc phải cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh để tồn tại và phát triển. Điều này có lợi cho người tiêu dùng và thúc đẩy xã hội phát triển.
- c. G và N đã thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực văn hoá – giáo dục bằng những cách thức khác nhau. Việc họ cùng làm việc trong Nhà máy X thể hiện sự bình đẳng giữa họ trong lĩnh vực kinh tế. Theo Điều 35 Hiến pháp năm 2013 thì công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.
- d. Việc cơ quan có thẩm quyền xử lí đối với bà U và ông Y là đúng tinh thần công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí, vì theo Điều 3 Luật Xử lí vi phạm hành chính thì: Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lí nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật; Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật.

4. Gợi ý:

- a. Giữa các bạn thi đỗ, được tuyển vào lớp chọn với các bạn thi đỗ nhưng không được vào lớp chọn vẫn có sự bình đẳng.

Quyền bình đẳng của công dân – học sinh đã được thể hiện trong quá trình học tập, trong cùng một điều kiện như nhau nhưng ai có kết quả học tập tốt, thi đỗ điểm cao thì mới được tuyển chọn, không thể ai cũng được vào lớp chọn.

- b. Cả P và C đều bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự. Đây là biểu hiện của bình đẳng về nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia lực lượng Quân đội để bảo vệ Tổ quốc. Theo quy định của Điều 30 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015: Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi. Do vậy, mặc dù cùng đủ 18 tuổi nhưng P thực hiện nghĩa vụ quân sự, nhập ngũ phục vụ trong Quân đội, C được hoãn gọi nhập ngũ và vẫn tiếp tục học ở trường đại học theo quy định của pháp luật.

- c. Cả hai học sinh đều cùng đi vào đường ngược chiều, cùng vi phạm như nhau nhưng T bị phạt tiền là đúng, còn M không bị phạt tiền mà chỉ bị phạt cảnh cáo, vì pháp luật quy định không phạt tiền người dưới 16 tuổi.

Hành vi xử phạt của chú cảnh sát giao thông hoàn toàn đúng, không trái với nguyên tắc “Mọi công dân bình đẳng trước pháp luật”, vì chú cảnh sát giao thông đã thực hiện đúng pháp luật, mà pháp luật quy định không phạt tiền người dưới 16 tuổi là đã tính đến đặc điểm về độ tuổi của người vi phạm, không phải ai cũng bị xử phạt như nhau. Đây thực chất là nội dung của quyền bình đẳng.

5. Gợi ý: Cả ba điều ở ba bản tuyên ngôn đều đề cập tới quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. Đây là một quyền cơ bản của con người. Đó là quyền được xác lập tư cách con người trước pháp luật; không bị pháp luật phân biệt đối xử, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau.

Pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo sự bình đẳng giữa con người với con người trong xã hội, vì pháp luật là phương tiện bảo đảm và bảo vệ quyền con người.

BÀI 10: BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC

1. Đáp án: a – A; b – C; c – B; d – A.

2. Gợi ý:

- a. Trong lĩnh vực kinh tế, bởi vì nội dung bình đẳng đó được quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Bình đẳng giới năm 2006.

- b. Trong lĩnh vực lao động, bởi vì nội dung bình đẳng đó được quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Bình đẳng giới năm 2006.
- c. Trong lĩnh vực chính trị, bởi vì nội dung bình đẳng đó được quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006.
- d. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bởi vì nội dung bình đẳng đó được quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Bình đẳng giới năm 2006.
- e. Trong gia đình, bởi vì nội dung bình đẳng đó được quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006.

3. Gợi ý:

- a. Trong gia đình, bởi vì, đó là hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006.
- b. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bởi vì, đó là hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Bình đẳng giới năm 2006.
- c. Trong lĩnh vực chính trị, bởi vì, đó là hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006.

4. Gợi ý:

- 1/ Quy định trên được ban hành để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến kinh tế.
- 2/ Theo quy định trên thì những hành vi bị coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực này bao gồm:
 - Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vi định kiến giới;
 - Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vi định kiến giới.
 Chủ thể thực hiện những hành vi đó sẽ bị phạt tiền từ 2 000 000 đồng đến 3 000 000 đồng.

5. Gợi ý:

- a. Hành vi của T và bố T không phù hợp với quy định của pháp luật về bình đẳng giới. Vì theo quy định của Luật Bình đẳng giới năm 2006 thì bố T và T có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình với mẹ và em gái hằng ngày chứ không phải chỉ có ngày 8 – 3 và 20 – 10.
- b. Hành vi của bố A là thực hiện đúng pháp luật về bình đẳng giới. Vì bố A không chỉ yêu thương, quan tâm chăm sóc cho cả hai anh em A mà còn thường xuyên nhắc nhở A không được bắt nạt em và cùng bố mẹ làm những công việc nội trợ trong nhà.
- c. Việc Công ty D từ chối nhận hồ sơ dự tuyển của chị K là vi phạm pháp luật

về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động. Vì Công ty D đã từ chối tuyển dụng người lao động thuộc giới tính nữ và theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 125/2021/NĐ-CP thì Công ty D có thể bị phạt tiền từ 10 000 000 đồng đến 15 000 000 đồng.

BÀI 11: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

1. Đáp án: a – B; b – D; c – B; d – B; e – D; g – A.

2. Gợi ý:

Từ thực trạng đời sống vật chất của đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn hơn mặt bằng chung, Đảng ta đã có chủ trương để nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số thì phải thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng thể hiện quan điểm mới về giảm nghèo đó là giảm nghèo đa chiều, bền vững và bao trùm. Để thực hiện được giảm nghèo đa chiều, bền vững và bao trùm thì phải tăng cường nội lực, nếu chỉ trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước thì hết hỗ trợ lại có thể tái nghèo. Chính sách dân tộc ở Việt Nam không chỉ giải quyết vấn đề kinh tế mà còn hướng tới giải quyết các vấn đề xã hội phát triển vì con người, tạo điều kiện cho mọi người, nhất là trẻ em, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư hoà nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Để đồng bào được hưởng thụ công bằng các thành quả của sự phát triển thì phải công bằng trong tiếp cận các nguồn lực (vốn, tài nguyên, đất đai, giáo dục, y tế). Do đó, các chính sách dân tộc phải tạo điều kiện cho đồng bào tiếp cận với các nguồn lực, mà trước hết chính là các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế. Như vậy, chính sách dân tộc còn hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội và hướng đến các vấn đề chính trị như xây dựng đội ngũ cán bộ và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số,...

4. Gợi ý:

Ví dụ về kinh tế: Với những dân tộc có kinh tế phát triển tốt thì Nhà nước có những chính sách để khuyến khích người dân chủ động, sáng tạo phát triển tốt hơn. Với những dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn thì Nhà nước đã ban hành những chính sách hỗ trợ người dân vùng núi như: hỗ trợ chuyển đổi nghề khi không có đất canh tác, hỗ trợ nước sạch, hỗ trợ di chuyển dân cư từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư mới,...

Ví dụ về văn hoá: Nhà nước luôn khuyến khích đồng bào các dân tộc gìn giữ những nét văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Bên cạnh đó, với những văn hoá, truyền thống không phù hợp với quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền của con người thì không được phép thực hiện,...

Ví dụ về giáo dục: Nhà nước luôn có những văn bản pháp luật như Nghị định số 57/2017/NĐ-CP nhằm quy định về chế độ ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ với trẻ

mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, nhằm khuyến khích người dân đi học và học tập thật tốt. Những học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số có cơ hội học tập lên cao với mức hỗ trợ 100%. Nhà nước còn khuyến khích những nhà giáo, giáo viên tích cực, tình nguyện giảng dạy cho các em vùng núi biết chữ để xóa mù chữ và có cơ hội học tập cao hơn,...

BÀI 12: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC TÔN GIÁO

1. Đáp án: a – C; b – A; c – B; d – C.

2. Gọi ý:

- a. Đúng, vì theo quy định của pháp luật thì các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật (khoản 1 Điều 24 Hiến pháp năm 2013).
- b. Sai, vì theo quy định của pháp luật thì các tôn giáo phải hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.
- c. Đúng, vì theo quy định của pháp luật thì các tôn giáo hợp pháp đều được pháp luật bảo hộ (khoản 2 Điều 24 Hiến pháp năm 2013).
- d. Đúng, vì thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo thể hiện chính sách đại đoàn kết tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam, tạo điều kiện để các tôn giáo, tín đồ tôn giáo nêu cao ý thức, trách nhiệm của mình đối với việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các tôn giáo, làm tròn trách nhiệm với Tổ quốc, sống “tốt đời, đẹp đạo”.
- e. Sai, vì thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo không chỉ tạo điều kiện cho các tôn giáo lớn phát triển mà còn tạo điều kiện cho các tôn giáo nhỏ phát triển. Việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo thể hiện chính sách đại đoàn kết tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

3. Gọi ý:

- a. Trong tình huống này, bà A đã vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, anh H thực hiện đúng quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. Bà A vi phạm vì đã phân biệt đối xử với người theo tôn giáo bằng việc loại ông C ra khỏi danh sách ứng cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Anh H thực hiện đúng vì đã yêu cầu bà A giữ nguyên danh sách ứng cử có ông C, để đảm bảo quyền bình đẳng giữa các tôn giáo trong việc thực hiện quyền chính trị của công dân.
- b. Chủ thể thực hiện đúng quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là Toà án nhân dân huyện; chủ thể vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là tôn giáo N và tôn giáo Q.

Toà án nhân dân huyện đã áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với cả hai tôn giáo vì hai tôn giáo này đều có những hành vi vi phạm pháp luật: tôn giáo N thì

tuyên truyền không đúng sự thật về tôn giáo Q; tôn giáo Q đã không tố cáo về hành vi sai trái của tôn giáo N đối với tôn giáo của mình mà đã xâm phạm tính mạng, sức khỏe của các tín đồ thuộc tôn giáo N.

4. Gợi ý: Không phân biệt đối xử vì lí do tôn giáo; đồng tình, ủng hộ những việc làm thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo;...

CHỦ ĐỀ 8

MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

BÀI 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

1. Đáp án: a – B; b – D; c – C.

2. Gợi ý:

- a. Đồng tình, vì trẻ em cũng là những công dân của đất nước và cũng có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội. Theo quy định của pháp luật, trẻ em chưa đủ tuổi để thực hiện một số quyền chính trị như ứng cử, bầu cử, tuy nhiên trẻ em có thể thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội bằng những việc làm phù hợp với độ tuổi, năng lực của bản thân.
- b. Đồng tình, vì thông qua việc gửi đơn khiếu nại, công dân đề nghị cơ quan nhà nước xem xét, xử lí, khắc phục những việc làm, hoạt động trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Qua đó sẽ góp phần nâng cao hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước.
- c. Đồng tình, vì thông qua việc thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, công dân đóng góp công sức, trí tuệ của mình để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước Việt Nam ngày càng văn minh, giàu mạnh hơn.
- d. Không đồng tình, vì chỉ có công dân Việt Nam mới có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, công dân các quốc gia khác đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam không có quyền này.

3. Gợi ý:

- a. Vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, vì mạng xã hội không phải là một kênh thông tin chính thống của Nhà nước để công dân thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội. Hành vi đăng tin phê phán cán bộ nhà nước lên mạng xã hội có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan và gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- b. Thực hiện đúng quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, vì việc gửi đơn thư đến cơ quan công an tố cáo người vi phạm pháp luật sẽ góp phần hỗ trợ cơ quan công an phát hiện, ngăn chặn, xử lí kịp thời các hành vi phạm tội. Qua đó, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan; duy trì, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
 - c. Vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, vì công dân chỉ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp những tài liệu liên quan đến vấn đề của bản thân theo quy định của pháp luật. Những tài liệu liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật cơ quan, tổ chức thì công dân không được phép tiếp cận.
 - d. Thực hiện đúng quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, vì việc tham gia giám sát việc xây dựng cơ sở hạ tầng (đường sá, cầu đường) tại địa phương thể hiện trách nhiệm của công dân đối với địa phương, góp phần phát hiện kịp thời những sai sót, đảm bảo hiệu quả của hoạt động.
4. Gợi ý:
- a. Em phân tích để M hiểu quỹ lớp là tài sản chung của tất cả các thành viên trong lớp nên mọi người đều có quyền được biết những thông tin liên quan đến hoạt động thu, chi quỹ và khuyên M nên công khai chi tiết để các bạn trong lớp đều biết, tránh những nghi ngờ đáng tiếc.
 - b. Em giải thích để vợ chồng anh H hiểu về quyền và nghĩa vụ tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân và ý nghĩa của việc thực hiện quyền này đối với mỗi công dân; đồng thời khuyên hai người nên tham gia cuộc họp để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.
5. Gợi ý: Thực hiện tìm hiểu thông tin và bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đúng theo quy định của pháp luật; tích cực tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp do trường, lớp, địa phương tổ chức; tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật tới cơ quan chức năng có thẩm quyền; không lan truyền, chia sẻ những thông tin tiêu cực;...

BÀI 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

1. Đáp án: a – A; b – A; c – C.

2. Gợi ý:

- a. Sai, vì chỉ có công dân Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện về độ tuổi, năng lực dân sự, phẩm chất đạo đức, năng lực pháp lí,... theo quy định của pháp luật mới có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Công dân các nước khác đang sống trên lãnh thổ Việt Nam không được thực hiện quyền này.

- b. Đúng, vì thông qua bầu cử, công dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước, góp phần thiết lập bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội.
- c. Sai, vì học sinh chưa đủ 18 tuổi nhưng vẫn có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử như: được tiếp cận thông tin về bầu cử, ứng cử theo quy định; tuân thủ quy định Hiến pháp và pháp luật về bầu cử, ứng cử,...
- d. Đúng, vì thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử sẽ lựa chọn được những đại biểu có năng lực, có phẩm chất đạo đức vào các cơ quan quyền lực của Nhà nước (Quốc hội, Hội đồng nhân dân); ngăn chặn, hạn chế các hành vi tiêu cực; loại bỏ những ứng viên không xứng đáng góp phần xây dựng, phát triển bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

3. Gợi ý:

- a. Anh A đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử. Việc tự ý viết và bỏ phiếu thay cho người khác là vi phạm quy định của pháp luật về nguyên tắc bỏ phiếu bầu cử, khiến người khác mất cơ hội thực hiện quyền của mình.
- b. Chị X đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử. Hành vi của chị X đã vi phạm quy định của pháp luật, xâm phạm quyền công dân, có thể gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín, công việc của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- c. Chú M đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử. Hành vi của chú M đã thực hiện quyền tiếp cận thông tin về bầu cử, ứng cử của công dân. Hành vi này giúp chú hiểu rõ hơn những quy định về bầu cử và có thể thực hiện tốt quyền bầu cử của mình.
- d. Ông P đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử. Hành vi của ông P đã xâm phạm đến quyền bầu cử, ứng cử của người khác, vi phạm quy định của pháp luật. Hành vi này có thể khiến người thân của ông P không được tự do lựa chọn bỏ phiếu cho người xứng đáng, gây ảnh hưởng đến kết quả bầu cử.
- e. Bà Q đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử. Hành vi của bà Q là mua chuộc cử tri, gây ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả bầu cử, vi phạm quy định của pháp luật.

4. Gợi ý:

- a. Em tư vấn cho anh K hiểu rằng anh có thể nhờ người khác đọc thông tin người ứng cử để tự lựa chọn ứng cử viên phù hợp, sau đó nhờ người viết phiếu bầu hộ theo sự lựa chọn của mình rồi tự mình bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu.

- b. Em tư vấn cho chị P hiểu rằng theo quy định của pháp luật chị có quyền tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Chị có thể nhờ người thân hỗ trợ di chuyển đến địa điểm bầu cử, viết phiếu bầu cử, bỏ phiếu hòm nếu không thể tự thực hiện. Hoặc trong trường hợp chị không thể di chuyển đến nơi bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử sẽ mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu cử đến chỗ ở của chị để chị nhận phiếu bầu và thực hiện quyền bầu cử theo đúng quy định của pháp luật.
- c. Em tư vấn cho cụ X hiểu rằng pháp luật có quy định trong trường hợp cử tri già yếu không thể di chuyển đến nơi bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử sẽ mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu cử đến chỗ ở của người đó để họ thực hiện bầu cử theo đúng quy định. Do đó, mặc dù không thể đi tới địa điểm bầu cử nhưng cụ vẫn sẽ được hỗ trợ để thực hiện tốt quyền công dân của mình.

BÀI 15: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Đáp án: a – A; b – C; c – A; d – B.

2. Gọi ý:

- a. Đồng tình, quy định của Hiến pháp là căn cứ pháp lí để khẳng định công dân có quyền khiếu nại, tố cáo và đảm bảo công dân được thực hiện những quyền này trong thực tế. Thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, công dân đề nghị cơ quan nhà nước xem xét, khắc phục, giải quyết, xử lí những việc làm trái pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, Nhà nước.
- b. Đồng tình, vì Luật Tố cáo năm 2018 quy định người tố cáo có quyền được bảo vệ bảo đảm an toàn (điểm e khoản 1 Điều 9).
- c. Đồng tình, vì Luật Khiếu nại năm 2011 quy định, người chưa thành niên thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện theo pháp luật (điểm a khoản 1 Điều 12).
- d. Đồng tình, vì khi thực hiện quyền tố cáo công dân phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, việc cố tình cung cấp thông tin sai sự thật sẽ gây nên nhiều hậu quả xấu và có thể bị xử phạt (điểm b, c khoản 2 Điều 9).
- e. Không đồng tình, vì khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, công dân phải gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

3. Gọi ý:

- a. Hành vi của cán bộ T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về tố cáo vì hành vi này chưa đúng với quy định của pháp luật, gián tiếp bao

che cho người sai phạm, gây ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của người tố cáo. Hành vi của anh B đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về tố cáo vì hành vi này đã thể hiện trách nhiệm của một công dân đối với đất nước, thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của công dân và tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- b. Hành vi của lãnh đạo cơ quan X đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo. Hành vi này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của mình, qua đó kịp thời tiếp nhận, xử lý, khắc phục những điều chưa tốt trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, giảm thiểu những hậu quả tiêu cực không mong muốn.
- c. Hành vi của công an G đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về tố cáo. Hành vi của công an G đã thực hiện quyền được bảo vệ an toàn của người tố cáo. Qua đó sẽ hỗ trợ anh D biết cách tự bảo đảm an toàn cho bản thân, nhận biết những nguy cơ mất an toàn và giảm thiểu những hậu quả xấu.
- d. Hành vi của bà S đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tố cáo. Hành vi này gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà A và gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong quá trình xử lý sự việc.

4. Gợi ý:

- a. Em giải thích cho B hiểu hành vi của bà chủ quán cơm là vi phạm quy định của pháp luật, gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm của người khác, nếu không ngăn chặn sẽ dẫn đến những hậu quả xấu. Khuyến B nên tố cáo hành vi sai trái của bà chủ quán cơm với cơ quan chức năng để được bảo vệ quyền lợi.
- b. Em giải thích cho V hiểu hành vi của ông X là vi phạm quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền công dân của V và không thực hiện đúng trách nhiệm của một cán bộ nhà nước. Em khuyến V nên tố cáo hành vi sai trái của ông V tới cơ quan chức năng để được bảo vệ quyền lợi.

BÀI 16: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Đáp án: a – B; b – D; c – D.

2. Gợi ý:

- a. Không đồng tình, vì công dân có quyền bình đẳng về giới trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- b. Đồng tình, vì việc tham gia bảo vệ trật tự, an ninh trường học và nơi cư trú góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- c. Không đồng tình, vì quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc được

thực hiện cả trong thời kì chiến tranh và hoà bình. Công dân có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc bằng nhiều cách như nhập ngũ, tổ cáo các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia,...

- d. Đồng tình, vì khi Tổ quốc bị xâm phạm, quyền và lợi ích của mỗi công dân cũng sẽ không được đảm bảo.

3. Gợi ý:

- Hành vi của H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. Hành vi này đã góp phần ngăn chặn việc phát tán những thông tin sai lệch về chủ quyền, lãnh thổ, đường lối quân sự của Việt Nam,... gây ảnh hưởng xấu đến đất nước.
- Hành vi của N đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. Hành vi của N sẽ khiến nhiều người hiểu nhầm, gây nên những ảnh hưởng xấu đối với an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Hành vi của V đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân, ngăn chặn người quen của mình thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tránh được những hậu quả không mong muốn.
- Hành vi của A đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. Hành vi này đã giúp bạn bè trong lớp nâng cao nhận thức, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân, hạn chế những hậu quả xấu do hành vi lan truyền các thông tin tiêu cực, bất mãn với chính quyền trên mạng xã hội gây ra.

4. Gợi ý:

Việc nên làm	Việc không nên làm
- Tích cực học tập, rèn luyện phát triển bản thân. - Cảnh giác trước âm mưu chia rẽ, xuyên tạc của các thế lực thù địch. - Phê phán, đấu tranh với những thái độ, việc làm gây tổn hại đến an ninh quốc gia, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. - Tích cực tham gia các hoạt động an ninh, quốc phòng ở địa phương bằng những hành vi phù hợp độ tuổi. - Nghiêm túc tham gia các khoá học quân sự. - Vận động bạn bè, người thân thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc,...	- Tham gia các hội nhóm, chia sẻ, lan truyền các thông tin có nội dung phản động, chống phá Nhà nước trên mạng xã hội. - Né tránh các khoá học quân sự do nhà trường tổ chức. - Bao che, tiếp tay, ủng hộ cho các hành vi trốn tránh nghĩa vụ quân sự, hành vi xâm phạm an ninh quốc gia,...

5. Gợi ý:

- a. Em giải thích cho anh trai hiểu việc tìm cách gian lận để trốn tránh nghĩa vụ quân sự là vi phạm pháp luật và có thể bị xử phạt, gây nên những hậu quả không tốt. Động viên anh trai nên đi khám tuyển nghĩa vụ quân sự theo đúng quy định để thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân.
- b. Em chia sẻ sự việc với bố mẹ và nhờ bố mẹ trao đổi với chú để tìm hiểu, can thiệp nếu chú có mục đích không tốt. Hoặc em trực tiếp hỏi chú xem mục đích chú tải những tài liệu đó là gì. Nếu chú có thái độ và mục đích không tốt, em sẽ giải thích và khuyên chú không nên tiếp tục làm việc đó để tránh những hậu quả xấu.

CHỦ ĐỀ 9

MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

BÀI 17: QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ VÀ QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA CÔNG DÂN

1. Đáp án: a – D; b – C; c – A; d – D; e – B; g – D.

2. Gợi ý: Một số hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân:

- Đánh người gây thương tích.
- Chơi đùa, đánh vào vùng nguy hiểm gây đột tử.
- Chồng uống rượu say, đánh đập và nhốt vợ con không cho ra khỏi nhà.
- Vu khống, vu cáo làm nhục người khác.
- Chửi bới, xúc phạm nhau chỉ vì những lí do không đáng.
- Bôi xấu danh dự, nhân phẩm của người khác vì ghen tị.

3. Gợi ý:

- a. Hành vi của H đã vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- b. P đã xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- c. Hành vi của ông Q đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

- d. Hành vi của C đã xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

4. Gợi ý:

- a. Nêu vấn đề ra trong buổi sinh hoạt lớp cuối tuần.
- b. Báo với cô giáo chủ nhiệm và nhờ cô giúp đỡ.
- c. Em yêu cầu bạn chứng minh rõ ràng hành vi mà em đã vi phạm. Nếu em sai, em sẽ xin lỗi và chấp nhận kỉ luật. Còn nếu bạn không đưa được chứng cứ thì bạn là người đã đặt điều, vu khống cho em, bạn phải xin lỗi em trước lớp và cô giáo.

5. Gợi ý:

- a. Giải về cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.
- b. Em nên động viên người bị nói xấu là không sao. Nếu mình không làm thì không phải sợ và xấu hổ. Đồng thời khuyên người nói xấu là không nên làm như vậy, vì việc làm đó gây tổn thương người khác và là hành vi vi phạm pháp luật.

BÀI 18: QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN

1. Đáp án: a – A; b – D; c – C; d – B; e – C.

2. Gợi ý:

- Nội dung:
 - + Chỗ ở của công dân được Nhà nước và mọi người tôn trọng, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
 - + Chỉ trong trường hợp được pháp luật cho phép thì mới được khám xét chỗ ở của một người. Việc khám xét cũng không được tùy tiện mà phải tuân theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.
 - + Về nguyên tắc, không được ai tự tiện vào chỗ ở của người khác, trừ một số trường hợp như sau:
 - Trường hợp 1: Khi có căn cứ khẳng định chỗ ở của người đó có công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm hoặc có đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.
 - Trường hợp 2: Khám chỗ ở của một người nào đó được tiến hành khi cần bắt người đang bị truy nã hoặc người phạm tội quả tang lẫn tránh.
- Ý nghĩa:
 - + Bảo đảm cho công dân có cuộc sống tự do.
 - + Tránh mọi hành vi tùy tiện, lạm dụng quyền hạn của cán bộ, công chức nhà nước.

3. Gợi ý:

- a. 1/ Lí do chú D đưa ra là không đúng vì căn nhà đó thuộc sở hữu của chị G (chị G đã được Ủy ban nhân dân quận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Chú D không có quyền được sống ở căn nhà này dù chú là em của mẹ chị G.

2/ Theo khoản 2 Điều 22 Hiến pháp năm 2013 thì chị G bị chú D xâm phạm về chỗ ở. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chị G có thể khởi kiện chú D về hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân. Hành vi của chú D có thể cấu thành tội xâm phạm chỗ ở của công dân theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Người nào khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác; đuổi trái pháp luật người khác khỏi chỗ ở của họ; chiếm hữu chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang quản lí hợp pháp chỗ ở của họ; xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

- b. 1/ Theo quy định tại Điều 22 Hiến pháp năm 2013, hành vi khoá cửa nhà không cho chị Th vào nhà của anh Q là trái pháp luật. Ngôi nhà đang ở là tài sản chung, đang có tranh chấp liên quan đến vụ án li hôn giữa hai vợ chồng, được Toà án cấp có thẩm quyền thụ lí giải quyết.

2/ Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình và có chỗ ở ổn định trong thời gian chờ Toà án có thẩm quyền giải quyết cho li hôn, chị Th có thể khởi kiện anh Q về hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân.

- c. Mọi công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Điều 22 Hiến pháp năm 2013 quy định “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý”. Như vậy, trong trường hợp này, P có quyền không mở cửa cho người lạ vào khi bố mẹ vắng nhà.

- d. 1/ Hành vi của chú K là trái pháp luật vì đang ở bất hợp pháp trong nhà của chú H. Chú K đã vi phạm quy định về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân được quy định tại Điều 22 Hiến pháp năm 2013.

Hành vi xâm phạm chỗ ở của người khác của chú K có thể bị khởi tố về tội xâm phạm chỗ ở của công dân theo khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2/ Để bảo vệ quyền lợi của mình, chú H có thể báo cho cơ quan công an địa phương để kịp thời giải quyết. Công an địa phương có trách nhiệm đấu tranh, tố giác tội phạm để cơ quan có thẩm quyền kịp thời xử lí đối với các hành vi vi phạm đó.

4. Gợi ý:

- Ở trường hợp b, G đã thực hiện tốt quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, bạn chỉ vào nhà Q khi có người ở nhà và được cho phép.

- Trường hợp a, c, d đã vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, tự ý khám xét nhà khi chưa được chủ nhà đồng ý.

5. Gợi ý:

- Em gọi đến số điện thoại cứu hoả khẩn cấp để báo cháy, đồng thời gọi những người hàng xóm giúp đỡ để dập tắt đám cháy, bảo vệ tài sản cho gia đình hàng xóm.
- Em chờ chủ nhà bên đó về thì xin phép để được vào mang chó cưng về.
- Em sẽ không mở cửa cho người lạ. Em bảo họ quay lại vào thời gian có bố mẹ ở nhà.
- Em không nên tự động mở cửa vào nhà hàng xóm để cất giúp quần áo vì không có ai ở nhà.

BÀI 19: QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM AN TOÀN, BÍ MẬT THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN TÍN CỦA CÔNG DÂN

1. Đáp án: a – C; b – D; c – C; d – A; e – D.

2. Gợi ý:

- Nội dung Điều 21 Hiến pháp 2013 quy định:
 - Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.
Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.
 - Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.
Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.
- Ý nghĩa: Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín đảm bảo sự riêng tư của mỗi công dân. Thư tín, điện thoại, điện tín đều thuộc về phần riêng tư, cá nhân của mỗi người. Quyền riêng tư này của công dân được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không ai có quyền xâm phạm sự riêng tư này của người khác.

3. Gợi ý:

- Hành vi của các nhân vật ở các trường hợp a, b, d, e, g đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
- Hành vi của Y ở trường hợp c đã thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

4. Gợi ý:

- a. Xem tên địa chỉ người nhận thư và nếu đó là người quen biết, em sẽ đến trả lại thư cho họ. Nếu đó là người em không biết, em sẽ gửi lại bác đưa thư để bác gửi lại cho người nhận.
- b. Em sẽ nhẹ nhàng phân tích và nói cho các bạn hiểu việc làm này không đúng, vi phạm pháp luật. Mình nên tôn trọng quyền riêng tư của người khác.
- c. Em sẽ nói bố mẹ cũng như anh, chị là lần sau không nên làm như vậy. Đây là quyền riêng tư của mỗi người nên mong muốn bố mẹ và anh, chị hãy tôn trọng.
- d. Em giải thích cho người đó hiểu việc nghe trộm điện thoại của người khác là vi phạm quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Mỗi người cần tôn trọng, không tò mò, không tự ý xâm phạm sự riêng tư về thư tín, điện thoại, điện tín của người khác (kể cả bạn thân hay người thân trong gia đình).
- e. Khi nhận được thư ai đó gửi cho bố mẹ mà bố mẹ đi vắng, em cần nhận thay và cất giữ cẩn thận, không tự ý mở ra xem. Khi bố mẹ về thì đưa lại cho bố mẹ.

**BÀI 20: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN
VỀ TỰ DO NGÔN LUẬN, BÁO CHÍ VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN**

1. Đáp án: a – C; b – D; c – B; d – C; e – A.

2. Gợi ý:

- a. Không đồng tình, vì ai cũng có quyền tự do ngôn luận, miễn sao việc sử dụng quyền đó không xâm phạm, chống phá Đảng, Nhà nước và vi phạm pháp luật.
- b. Đồng tình, vì nếu không tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin có thể gây nên những hậu quả tiêu cực như: xâm phạm quyền tự do, quyền dân chủ của công dân; ảnh hưởng trật tự quản lý hành chính nhà nước; làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước; có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, danh dự, uy tín, công việc của công dân;...
- c. Không đồng tình, vì Nhà nước tạo mọi điều kiện để công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, miễn sao điều đó không vi phạm pháp luật.
- d. Không đồng tình, vì người chưa đủ 18 tuổi vẫn được phép thực hiện quyền tự do ngôn luận, điều này đã được quy định tại Luật Trẻ em năm 2016.
- e. Không đồng tình, vì công dân không được phép tiếp cận thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh

vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định.

3. Gợi ý:

- a. Hành vi của K là đúng vì hành vi đó đã phát huy tích cực quyền công dân của bản thân, đồng thời thực hiện tốt trách nhiệm của học sinh đối với trường lớp và quê hương, đất nước.
- b. Hành vi của X là không tốt, không thực hiện quyền tự do ngôn luận của công dân dù đã được mọi người tạo điều kiện. Hành vi này khiến mọi người không hiểu được suy nghĩ, mong muốn của X, đồng thời khiến X trở nên thụ động và khép mình hơn, khó khăn trong việc hoà nhập với mọi người xung quanh.
- c. Hành vi của N là đúng, thể hiện sự chủ động trong việc tiếp cận những thông tin có ích nhằm nâng cao hiểu biết cho bản thân và học tập tốt hơn.
- d. Hành vi của Y là đúng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, tránh gây hiểu nhầm đáng tiếc.

4. Gợi ý:

- Thực hiện quyền tự do ngôn luận trong nhà trường, lớp học bằng cách trực tiếp phát biểu ý kiến trong giờ học, thảo luận tại lớp, phát biểu trong giờ sinh hoạt lớp, đóng góp ý kiến với giáo viên,... Hoặc có thể góp ý qua hòm thư góp ý của nhà trường.
- Gửi bài đăng báo, trong đó bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình về những vấn đề trong cuộc sống để ủng hộ cái đúng, cái tốt, phê phán và phản đối cái sai, cái xấu.
- Khi đủ 18 tuổi, đóng góp ý kiến khi được trưng cầu ý kiến về những vấn đề liên quan đến cuộc sống của bản thân, những vấn đề mình quan tâm cho các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân,...

5. Gợi ý:

Những người này vi phạm pháp luật Việt Nam, cụ thể là vi phạm quyền tự do ngôn luận, họ đã lợi dụng quyền này để xuyên tạc sự thật.

6. Gợi ý:

- a. Em sẽ giải thích cho P hiểu việc làm của bạn là vi phạm quyền tự do ngôn luận. Nếu bạn không xóa bài, em sẽ nhờ thầy cô giáo can thiệp.
- b. Căn cứ Điều 288 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người nào đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông những thông tin trái với

quy định của pháp luật gây dư luận xấu có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về “Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông”. Nếu là người dân xã D, em cần báo sự việc trên với cơ quan công an để xử lý những đối tượng đưa thông tin sai lệch.

BÀI 21: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

1. Đáp án: a – A; b – D; c – B; d – A.

2. Gợi ý:

- a. Hành vi của H đúng, thể hiện sự tôn trọng của H đối với lễ hội tín ngưỡng, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Hành vi này sẽ giúp H nâng cao hiểu biết và có thái độ, xử sự phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương.
- b. Hành vi của N chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Hành vi này thể hiện thái độ kì thị đối với bạn A nói riêng và những người theo tôn giáo nói chung, gây nên những ảnh hưởng không tốt.
- c. Hành vi của V thể hiện sự văn minh trong ứng xử hằng ngày, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
- d. Hành vi của O là đúng, không vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo và giúp phòng ngừa những nguy cơ xấu có thể xảy ra với em gái mình khi tham gia những tôn giáo lạ, có nhiều tin đồn tiêu cực.

3. Gợi ý:

- a. Hành vi của nhóm người lạ và ông Q đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Hành vi của nhóm người lạ là mua chuộc, dụ dỗ người dân đi theo tôn giáo mới, khiến người dân ảo tưởng về tương lai, rời xa thực tế, bỏ bê công việc hằng ngày, gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống. Hành vi của ông Q ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của gia đình, khiến kinh tế sa sút, vợ con sợ hãi, không được thực hiện quyền và lợi ích chính đáng của mình.
- b. Trong tình huống trên, hành vi tỏ thái độ không hài lòng, chê bai, có những lời lẽ không hay khi nhận xét về người theo tôn giáo G của những người thân anh H và hành vi yêu cầu chị O từ bỏ tôn giáo G để theo tôn giáo X rồi mới đồng ý cho cưới của bố anh H là những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Việc tỏ thái độ không hài lòng, chê bai, có những lời lẽ không hay về người theo tôn giáo G thể hiện sự thiếu tôn trọng, thái độ kì thị của những người thân trong gia đình anh H đối với tôn giáo G và quyền

tự do tôn giáo của chị O. Việc bố anh H yêu cầu chị O từ bỏ tôn giáo G để theo tôn giáo X rồi mới đồng ý cho cưới thể hiện thái độ độc đoán, ép buộc, coi thường quyền tự do tôn giáo. Các hành vi này đều không phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Gợi ý:

- a. Từ chối và khuyên bạn không nên tham gia tôn giáo lạ, mới du nhập vào địa phương vì rất có thể đó là tôn giáo xấu, hoạt động trái với các quy định của pháp luật.
- b. Giải thích để bố mẹ hiểu việc không cho phép chị gái tham gia các lễ hội tín ngưỡng ở địa phương là vi phạm pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng của công dân. Đồng thời, giải thích để bố mẹ hiểu việc tham gia các lễ hội tín ngưỡng ở địa phương sẽ giúp chị gái mở rộng sự hiểu biết về tín ngưỡng tốt đẹp của dân tộc.
- c. Giải thích cho bố mẹ hiểu nếu đi theo tôn giáo lạ, truyền tà đạo sẽ vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo.
- d. Khuyên các bạn nên tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo do địa phương tổ chức vì đó là một trong những trách nhiệm của học sinh.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH BÀI TẬP LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- | | |
|---|---|
| 1. Bài tập Ngữ văn 11, tập một | 8. Bài tập Vật lí 11 |
| 2. Bài tập Ngữ văn 11, tập hai | 9. Bài tập Hoá học 11 |
| 3. Bài tập Toán 11, tập một | 10. Bài tập Sinh học 11 |
| 4. Bài tập Toán 11, tập hai | 11. Bài tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính |
| 5. Bài tập Lịch sử 11 | 12. Bài tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng |
| 6. Bài tập Địa lí 11 | 13. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 |
| 7. Bài tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 | 14. Bài tập Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 |
| | 15. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách bài tập |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.

